



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Phạm Ngọc Lân

Vấn Đề Trong Tháng

Thay đổi trong ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam

Đại hội VII của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã không phải là một biến cố. Nó đã không gây được một sự chú ý nào của dư luận quốc tế và đã diễn ra trong sự lãnh đạo của quần chúng Việt Nam. Kết quả duy nhất ghi nhận được cho tới nay của Đại Hội VII đã chỉ là một sự thay đổi nhân sự trong ban lãnh đạo đảng.

Nhận xét đầu tiên là Đại Hội VII đã loại trừ phe Lê Đức Thọ. Đại tướng Mai Chí Thọ, con người được coi là quyền

lực bậc nhất, đã bị loại cùng một lúc với Nguyễn Đức Tâm, trưởng ban Tổ Chức và Xây Dựng Đảng và ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch. Các tướng Nguyễn Quyết, Trần Quyết, Đàm Quang Trung bị loại khỏi cả Ban Bí Thư lẫn Trung Ương Đảng. Phe Lê Đức Thọ cho tới ngày khai mạc đại hội vẫn mạnh nhất, hơn hẳn mọi phe nhóm khác trong đảng. Họ bị đánh bại vì một liên minh rất phức tạp, gồm đủ mọi phe phái thuộc đủ mọi khuynh hướng, chỉ có chung với nhau một mục tiêu là loại trừ phe Lê Đức Thọ. Phản ứng của đám tàn quân Lê Đức Thọ là dấu hỏi lớn trong những ngày sắp tới bởi vì họ còn rất nhiều đòn bẩy trong đảng cũng như trong quân đội và công an. Không lẽ phe Lê Đức Thọ lại chấp nhận để bị đào thải một cách dễ dàng như vậy mà không phản ứng.

Nhận xét thứ hai là nhân sự ngoại giao đã bị sa thải gần hết. Ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch và bốn thứ trưởng Đinh Nho Liêm, Hoàng Bích Sơn, Lê Mai, Võ Đông Giang đều vắng mặt tại Trung Ương Đảng. Chỉ có hai thứ trưởng ngoại giao được duy trì tại Trung Ương Đảng là các ông Trần Quang Cơ và Vũ Mão. Cả hai ông đều chỉ mới được bổ nhiệm và rất ít được biết tới. Đây là một sự kiện quan trọng bởi vì vấn đề sinh tử của chính quyền cộng sản Việt Nam là mở cửa ra bên ngoài trong khi các nhân vật có kinh nghiệm quốc tế trong đảng lại rất thiếu.

Nhận xét thứ ba là bộ máy công an bị dao động nặng. Cả bộ trưởng Mai Chí Thọ lẫn bốn thứ trưởng Trần Quyết, Trần Đông, Nguyễn Văn Đức, Cao Đăng Chiếm đều bị loại. Một bộ máy công an bị xáo trộn và hoang mang như vậy sẽ khó có thể đàn áp được phong trào đấu tranh đòi dân chủ, và cũng khó bảo đảm nôi trật tự an ninh.

Người ta cũng lưu ý là các nhân vật phát biểu mạnh mẽ

Trong số này

1. Vấn đề trong tháng:

Thay đổi trong ban lãnh đạo Đảng CSVN

3. Tham luận:

Lược duyệt các đại hội Đảng CSVN

Nguyễn Phi Phụng

7. Lenin, Nguyễn Ái Quốc và thảm trạng ...

Tôn Thất Thiện

9. Đã đến lúc cần phải thực tế

Trần Văn Thông

10. Trần trở

Nguyễn Anh Tuấn

12. Chính danh ?

Lê Văn Đăng

14. Diển Đàn Dân Chủ Đa Nguyên II

Lê Anh Dũng

15. Thời sự- Tin tức

21. Độc giả viết

24. Sô tay:

Bói Kiều

Thụy Khuê

nhất đường lối thủ cựu như Lê Xuân Lựu, Hà Xuân Trường, Hoàng Minh Thảo, Đặng Vũ Hiệp cũng bị loại khỏi ban chấp hành. Điều này không phù hợp với hình ảnh chung của ban lãnh đạo mới, được ghi nhận là thủ cựu.

Nhìn qua thành phần những người lãnh đạo mới của Đảng Cộng Sản Việt Nam, ta có thể nhận xét đây là một ban lãnh đạo vá chắp, không đường hướng, không uy tín. Họ chỉ có chung nhau một nét đậm là không có ai từng biểu lộ một lập trường rõ rệt.

Tổng Bí Thư Đỗ Mười tuy tương đối là người có khả năng quản lý khá nhất trong số những nhà lãnh đạo già của đảng song lại có đặc tính, giống như Phạm Văn Đồng trước đây, là một người có rất ít tư kiến. Trong cuộc đời chánh trị của ông, Đỗ Mười đã từng thi hành đủ mọi chính sách khác hẳn nhau với cùng một quyết tâm thần nhiên. Khả năng của ông Đỗ Mười là thi hành ý kiến của người khác. Ngày nay ông không còn có ai cao hơn mình để nhận lệnh nữa, Đỗ Mười sẽ gặp rất nhiều bối rối. Đỗ Mười đã chỉ được chọn như là một giải pháp thỏa hiệp bởi vì ông không có nhân quan nào đặc biệt cho nên ít đụng chạm và có thể được mọi phe phái trong liên minh chống phe Lê Đức Thọ coi là một mẫu số chung đỡ đỡ nhất. Đại tướng Lê Đức Anh là người không có gì đặc sắc về chính trị. Ông trở thành nhân vật số hai trong đảng chỉ vì đảng cần nắm vững quân đội. Nhưng ông có khả năng để nắm quân đội không lại là một vấn đề khác. Ông Đào Duy Tùng, đặc trách về tư tưởng, tuy giữ địa vị "người giữ đèn Mác - Lê-nin" nhưng cũng có đặc tính là cố tránh phát biểu. Trong cuộc tranh cãi gay go giữ hay không giữ chủ nghĩa Mác - Lê-nin đáng lẽ ông phải là người lên tiếng nhiều nhất nhưng ông lại giữ im lặng. Ông Tùng cũng giống như ông Đỗ Mười và Lê Đức Anh ở chỗ ít sáng kiến và thiếu lập trường. Riêng Võ Văn Kiệt, bản tính ông là người ưa giải pháp mạnh, tiêu biểu cho chủ trương cởi mở kinh tế, siết chặt chính trị. Nhưng uy tín của ông Kiệt đã suy giảm rất nhiều và từ hai năm qua ông không còn được coi là một giải pháp thay đổi đáng tin nữa.

Các nhân vật lãnh đạo mới xuất hiện đều giống nhau ở chỗ họ không có tên tuổi và uy tín. Họ cũng không có trình độ văn hóa tương xứng với chức vụ. Họ chỉ lên được nhờ thành tích quản lý công việc thường ngày trong 16 năm qua. Nói cách khác công lao của họ là đã góp phần đắc lực tạo ra tình trạng bi đát hiện nay.

Ban lãnh đạo mới không đồng ý với nhau về một dự án tương lai nào cả. Họ cũng không có chính danh vì đại hội đã bầu ra họ không phải là một đại hội thực sự mà chỉ là đại

hội của một thiểu số thủ cựu. Họ sẽ bị đại đa số đảng viên cộng sản phủ nhận. Đa số đảng viên từ nay cũng không còn coi đảng cộng sản là đảng của họ nữa.

Với một ban lãnh đạo vá chắp và kém cỏi như vậy, đảng cộng sản Việt Nam sẽ không có khả năng và cũng không có đồng thuận để theo đuổi hẳn một chính sách nào cả. Dù là chính sách cởi mở hay chính sách đàn áp. Chung cuộc, ban lãnh đạo mới sẽ chỉ là một ban xử lý thường vụ vào giữa lúc mà đảng cộng sản cần làm những lựa chọn quan trọng. Họ sẽ bị những áp lực của thực tại khó khăn bắt buộc làm những nhượng bộ quan trọng và mâu thuẫn.

Trước tình huống mới này, các lực lượng dân chủ cần có thái độ nào?

Dĩ nhiên là cần một thời gian quan sát trước khi nhận định rõ được phương hướng và những hành động nên có. Nhưng ngay từ bây giờ chúng ta có thể nói là không nên chờ đợi một biến đổi trọng đại nào cả. Ban lãnh đạo mới không có khả năng để lấy những quyết định quan trọng, dù theo chiều hướng dân chủ hóa hay theo chiều hướng cứng rắn. Cuộc tranh cãi chấp nhận hay không chấp nhận đa nguyên đa đảng cũng vẫn tiếp tục trong nội bộ của cái gì còn lại của đảng cộng sản và cũng vẫn tiếp tục bế tắc. Tuy nhiên sự bối rối của ban lãnh đạo và sự suy kém của bộ máy đàn áp sẽ khiến cho cuộc tranh đấu cho tự do và dân chủ trở thành dễ dàng hơn.

Phong trào dân chủ đa nguyên trong nước chắc chắn sẽ có một sinh khí mới. Nó cũng sẽ được sự hưởng ứng của rất nhiều người cộng sản không còn nhìn thấy một hy vọng nào và một thiện chí nào nơi đảng cộng sản nữa. Chúng ta cần ủng hộ tích cực cho cuộc đấu tranh vì dân chủ tại quốc nội.

Nhưng muốn đóng góp hữu hiệu cho cuộc đấu tranh trong nước thì điều kiện đầu tiên là chúng ta phải kết hợp lại để thay vì có vô số các tổ chức bỏ túi chúng ta hình thành được một vài lực lượng có tầm vóc đại diện cho những khuynh hướng chính. Điều quan trọng hơn để cuộc đấu tranh vì dân chủ sớm thành công là chúng ta cần làm cho mọi người, nhất là những người cộng sản, hiểu rằng cuộc đấu tranh của chúng ta không nhằm tiêu diệt hay hạ nhục ai, mà là cuộc đấu tranh vì tương lai, trong tình anh em, trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc; cuộc đấu tranh để tôn vinh quyền làm người tự do và quyền hưởng hạnh phúc mà dân tộc Việt Nam có quyền có và phải có.

Thông Luận

Lược duyệt các đại hội Đảng Cộng Sản Việt Nam

Nguyễn Phi Phụng

Nguyễn Phi Phụng, 51 tuổi, tiến sĩ Khoa Học Chính Trị Paris, hiện là chuyên gia tại Bộ Canh Nông Pháp.

Từ khi thành lập năm 1930, chưa bao giờ Đảng Cộng Sản Việt Nam gặp phải nhiều khó khăn trong việc triệu tập một đại hội như Đại Hội VII này. Theo điều lệ, Đại Hội VII phải được triệu tập đầu năm 1991 nhưng phải đợi tới cuối tháng 6 sau nhiều lần bị trì hoãn vì không giải quyết được những bất đồng ý kiến quan trọng trong những chọn lựa căn bản cũng như trong việc đánh giá thành quả của chương trình "đổi mới" trong những năm qua, của sự biến đổi ở Đông Âu và việc lập ra ban lãnh đạo mới cho 5 năm tới.

Cuối cùng đại hội được triệu tập từ ngày 24 đến 27-6-1991 với sự tham dự của 1.176 đại biểu đại diện cho 2,1 triệu đảng viên và bốn đảng "anh em" so với 35 đảng ở Đại Hội VI.

Lần đầu tiên Đảng Cộng Sản Việt Nam gặp phải sự chống đối ngay từ trong đảng, của Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ, của những nhân vật tầm cỡ quan trọng như Trần Xuân Bách, ủy viên Bộ Chính Trị và Ban Bí Thư, Bùi Tín, Phó Tổng Biên Tập báo Nhân Dân, Nguyễn Khắc Viện, cựu Giám đốc tạp chí "Le Courrier du Vietnam", Hoàng Minh Chính, cựu Viện trưởng Viện Triết Học, Dương Thu Hương, nhà văn có tiếng trong và ngoài nước; trước đó, sự chống đối cũng đến từ 700 Việt kiều, phần lớn từng ủng hộ chính phủ Hà Nội.

Người ta tự hỏi tại sao lần Đại Hội VII này lại có nhiều khó khăn trong việc triệu tập cũng như gặp phải nhiều chống đối từ trong đảng như thế?

Để hiểu rõ bản chất của Đảng Cộng Sản Việt Nam, chúng tôi xin lược trình các đại hội từ 1935 và phân tích tình hình ở mỗi thời kỳ Đại Hội.

Đại Hội I từ 27 đến 31-3-1935 tại Macao

Theo tài liệu của Hà Nội, Đảng Cộng Sản Việt Nam được thành lập ngày 3-2-1930 tại Cửu Long (Hương Cảng). Hồ Chí Minh với tư cách đại diện Quốc Tế Cộng Sản (Komintern) đã triệu tập ba đảng cộng sản từ trong nước sang để thống nhất thành Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Ba đảng cộng sản đã có mặt trong nước trước đó một năm. Đó là Đảng Cộng Sản Đông Dương thành lập vào tháng 6-1929 ở Bắc Kỳ, An Nam Cộng Sản Đảng thành lập tháng 10-1929 ở Nam Kỳ và Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn (Tân Việt) thành lập tháng 1-1930 ở Trung Kỳ. Riêng Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn không kịp cử đại diện đi Hương Cảng tham dự.

Hội nghị (Plenum, xin đừng lầm với Đại Hội) lần thứ nhất, tháng 10-1930, cũng do Hồ Chí Minh triệu tập ở Hương Cảng đã "nhất trí" thông qua bản Luận Cương Tư Sản Dân Quyền và đổi tên đảng là Đảng Cộng Sản Đông Dương. Sự đổi tên đảng này bị Quốc Tế Cộng Sản khiển trách cho là thiếu tinh thần vô sản

quốc tế. Trần Phú, sau khi tốt nghiệp trường Đại Học Đông Phương Moskva, được đề cử làm Tổng Bí Thư.

Nếu như luận cương chính trị lúc đó nhấn mạnh "thời kỳ cách mạng vô sản toàn thế giới và thời kỳ kiến trúc xã hội chủ nghĩa ở Liên Bang Xô Viết" và xác định rằng "cách mạng thế giới và cách mạng Đông Dương rất có quan hệ mật thiết với nhau" thì trái lại luận cương lại chủ trương, trong lúc đầu, cuộc cách mạng Đông Dương là cuộc "cách mạng tư sản dân quyền" với hai nhiệm vụ chính: nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống phong kiến nhằm thực hiện hai khẩu hiệu: dân tộc độc lập và người cày có ruộng. Phải nói là cộng sản rất khôn khéo với chiêu bài "cách mạng tư sản dân quyền" để lôi kéo thành phần trí thức, tư sản theo họ. Theo ông Hémerly, sử gia về Việt Nam, đảng viên cộng sản năm 1935 lúc đó không đến 800 người trong toàn xứ (báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 17-2-1976 nói chỉ có 221 người năm 1930).

Đầu năm 1934, ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Đông Dương được chính thức thành lập ở Macao do Lê Hồng Phong lãnh đạo (Trần Phú bị Pháp giết năm 1931).

Tháng 3-1935, Đại Hội lần thứ nhất được triệu tập ở Macao có sự tham dự của 15 đại biểu Trung Nam Bắc cùng với các đại biểu của Lào và Thái Lan. Bản chương trình hành động của Đảng Cộng Sản Đông Dương được vạch ra hồi tháng 6-1932 và đã được Quốc Tế Cộng Sản thông qua.

Đại Hội này bầu ra 7 ủy viên trong đó có Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên, Hoàng Đình Rong, Trần Văn Giàu, Phan Đăng Lưu, v.v... Đảng Cộng Sản Đông Dương được công nhận là một chi bộ chính thức của Quốc Tế Cộng Sản.

Vừa họp xong được bốn tháng thì Đại Hội lần thứ VII của Quốc Tế Cộng Sản, họp ở Moskva vào tháng 7-1935, ra chỉ thị là trong giai đoạn hiện tại "kẻ thù trước mắt và nguy hiểm nhất của giai cấp vô sản không phải là chủ nghĩa đế quốc mà là lực lượng phản cách mạng phát-xít". Đảng Cộng Sản Đông Dương phải "tạm thời" dẹp bỏ khẩu hiệu chống Pháp, tuân theo nghị quyết "sáng suốt" (nguyên văn) của Quốc Tế Cộng Sản. Tháng 5-1936, Mặt Trận Bình Dân Pháp thắng cử ở Pháp, thành lập chính phủ liên hiệp có sự tham dự của Đảng Cộng Sản Pháp. Tháng 7-1936, Trung Ương Cộng Sản Đông Dương họp tại Thượng Hải (Trung Quốc) do Lê Hồng Phong chủ tọa chỉ rõ lúc này chưa phải "đánh đổ đế quốc Pháp và giai cấp địa chủ phong kiến" mà yêu cầu cấp thiết trước mắt là "tự do dân chủ, cải thiện đời sống".

Điều này cho thấy là Đảng Cộng Sản Đông Dương hoàn toàn tuân theo chỉ đạo của Quốc Tế Cộng Sản.

Phải nói là Lê Hồng Phong, cũng được đào tạo tại trường Đại Học Đông Phương Moskva, là ủy viên dự khuyết của Quốc Tế Cộng Sản, được đề cử bên cạnh Đảng Cộng Sản Đông Dương từ 1936 đến 1938. Sau này, Lê Hồng Phong về nước hoạt động bị

cầm tù và chết ở Côn Đảo tháng 9-1942. Trong khi Lê Hồng Phong cùng với Nguyễn Thị Minh Khai bị cầm tù, Nguyễn Văn Cừ được đề cử làm Tổng Bí Thư (chết tháng 8-1941).

Hội Nghị lần thứ VI tháng 11-1939 họp tại Bà Điểm lại đổi khẩu hiệu (vì Mặt Trận Bình Dân ở Pháp bị tan rã) khẳng định mục tiêu trước mắt lúc này là "con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để tranh lấy giải phóng dân tộc". Hội nghị lại chủ trương "tạm gác" khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thay khẩu hiệu "lập chính phủ Xô Viết công nông" bằng khẩu hiệu "lập chính phủ Liên Bang Cộng Hòa Dân Chủ Đông Dương" và đồng thời thành lập "Mặt Trận Thống Nhất Dân Tộc Phản Đế Đông Dương".

Hội Nghị lần thứ VII họp tại Đình Bảng (Bắc Ninh) tháng 11-1940 để lập Ban Chấp Hành Trung Ương mới. Trường Chinh (Đặng Xuân Khu) được đề cử làm Tổng Bí Thư tạm thời. Ban Chấp Hành gồm có: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt (Hà Bá Cang), Phan Đăng Lưu, Trần Đăng Ninh, v.v...

Hồ Chí Minh, từ Trung Quốc về nước vào tháng 2-1941, triệu tập Hội Nghị lần thứ VIII vào tháng 5-1941 ở Pác Bó (Cao Bằng) và thành lập mặt trận "Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội", gọi tắt là "Việt Minh".

Tháng 8-1945, quân Nhật ở Đông Dương đầu hàng vô điều kiện, Việt Minh nắm chính quyền, Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập tại Quảng Trường Ba Đình ngày 2-9-1945. Chính phủ Hồ Chí Minh một mặt phải đương đầu với 180.000 quân do tướng Lư Hán (phe Tưởng Giới Thạch, Trung Hoa) đổ bộ vào miền Bắc giải giới 35.000 quân Nhật và mặt khác với quân Anh bảo vệ quân Pháp do tướng Leclerc cầm đầu để tiếp quản miền Nam.

Pháp quyết định trở lại Việt Nam với bất cứ giá nào mặc dù Mỹ không đồng ý. Sau khi Hội Nghị Đà Lạt và Fontainebleau bị thất bại, chính phủ Hồ Chí Minh rời bỏ Hà Nội tháng 12-1946.

Đại Hội II từ 11 đến 19-2-1951 ở Việt Bắc

Sau khi Mao Trạch Đông tiến vào Bắc Kinh và tuyên bố thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc ngày 1-10-1949, Đảng Cộng Sản Việt Nam được sự hỗ trợ mạnh mẽ của nước này. Biên giới Việt Trung được mở rộng do quân đội Hồ Chí Minh và Mao Trạch Đông kiểm soát. Năm 1950 quân Pháp thất bại nặng nề ở Cao Bằng.

Sau khi nắm vững các vùng biên giới, Đảng Cộng Sản Việt Nam quyết định tổ chức Đại Hội lần thứ II ở Việt Bắc (Tuyên Quang). Về dự Đại Hội II có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết thay mặt 760.000 đảng viên (về số đảng viên, quyển "Brève Histoire du Parti des Travailleurs du Vietnam" xuất bản năm 1970 ở Hà Nội, trang 63, nói "hơn nửa triệu", trong khi bản in năm 1976, trang 56, nói 760.000).

Bản báo cáo chính trị do Hồ Chí Minh đọc và đề ra hai nhiệm vụ mới: một là đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, hai là đưa đảng ra hoạt động công khai và lấy tên đảng là Đảng Lao Động Việt Nam.

Trong bản báo cáo "Bản Về Cách Mạng Việt Nam", Trường Chinh chủ trương "đường lối cách mạng dân chủ nhân dân tiến lên xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Theo Trường Chinh, trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, căn cứ theo giai cấp trong xã hội Việt Nam, lực lượng cách mạng gồm có 4 giai cấp: công nhân,

nông dân, tiểu tư sản rồi đến tư sản dân tộc. Lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam dĩ nhiên là giai cấp công nhân. Ngoài ra, còn có - mặc dù không phải là lực lượng cách mạng - những nhân sĩ dân chủ và những thân sĩ tiến bộ. Qua hai bản báo cáo trên, chúng ta có một số nhận xét.

Trước hết, sự đổi tên Đảng Cộng Sản thành Đảng Lao Động. Cộng sản Việt Nam nhận xét là giai cấp công nhân ở Việt Nam rất yếu kém, chưa có khả năng đưa cách mạng đến thắng lợi như ở Liên Xô, mà cần phải có sự giúp đỡ của các giai cấp khác như nông dân, tiểu tư sản, trí thức, tư sản dân tộc. Các giai cấp này còn rất sợ "cách mạng cộng sản" nhất là sau khi cộng sản Trung Quốc đã hoàn toàn thống trị toàn xứ và bắt đầu áp dụng chuyên chính vô sản. Vì vậy cần phải tạm bỏ tên đảng cộng sản và đường lối "cách mạng xã hội chủ nghĩa" thay vào đường lối "cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân" để lừa gạt các phần tử nhiệt tình yêu nước.

Nhận xét thứ hai là Trường Chinh đi theo đường lối cách mạng của Mao, dựa vào giai cấp nông dân khi ông ta nói "cách mạng Việt Nam không có nông dân tham gia thì nhất định sẽ không thể thành công được". Quyển sách "Kháng Chiến Nhất Định Thắng Lợi" của ông ta xuất bản năm 1947 chủ yếu dựa vào luận cương của Mao bàn về "Trường Kỳ Kháng Chiến". Điều này cho ta thấy sau này khi Trường Chinh đề xướng làm cải cách ruộng đất từ năm 1953 trong vùng kháng chiến đến năm 1956 trên toàn miền Bắc, Trường Chinh hoàn toàn bắt chước chế độ cải cách ruộng đất của Trung Quốc đã làm từ năm 1950.

Đại Hội II diễn ra trong khi thế giới đang ở thời kỳ chiến tranh lạnh. Chiến tranh đang tiếp diễn ở Triều Tiên có sự tham dự của một triệu "tình nguyện quân Trung Quốc". Ở Châu Âu, Liên Xô phong tỏa Bá Linh.

Đại Hội bầu ra Ban Chấp Hành Trung Ương gồm có 19 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết. Hồ Chí Minh được bầu Chủ Tịch Đảng, Trường Chinh Tổng Bí Thư. Bộ Chính Trị gồm có Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương (dự khuyết).

Đại Hội III từ 5 đến 12-9-1960 tại Hà Nội

Đảng Cộng Sản Việt Nam nay đã trở thành đảng cầm quyền. Đại Hội họp tại Hà Nội sau 30 năm thành lập ở Hương Cảng. Về dự đại hội có 521 đại biểu chính thức và 36 đại biểu dự khuyết thay mặt 500.000 đảng viên. Người ta nhận thấy số đảng viên giữa hai đại hội không tăng vì đã mất đi 260.000 đảng viên (bị thanh trừng?), mặc dù Đảng Cộng Sản Việt Nam đã chiếm toàn bộ miền Bắc và đã bắt đầu xây dựng "xã hội chủ nghĩa" từ 1951.

Trong lời khai mạc, Hồ Chí Minh nói "Đại Hội lần này là Đại Hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà". Báo cáo chính trị do Lê Duẩn trình bày nói về "Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới". Theo Lê Duẩn, cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này có hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau ở hai miền: miền Bắc bước vào "thời kỳ quá độ tiến lên xã hội chủ nghĩa, miền Nam tiếp tục "cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân".

Điểm nổi bật của Đại Hội III là quyết định thống nhất đất nước bằng võ lực. Sự thành lập "Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam" tháng 12-1960 nằm trong chiến lược đó. Người ta lại nhận

thấy một số ủy viên quan trọng trong Ban Chấp Hành không được chính thức công bố như Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công, Võ Văn Kiệt, Phan Văn Đăng, v.v... vì lẽ dễ hiểu là những người này đang lãnh đạo chiến tranh vũ trang ở miền Nam đứng sau binh phong "Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam".

Bên cạnh chiến lược vũ trang, cộng sản lại tiếp tục dùng chiến lược "cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân" ở miền Nam. Lực lượng "Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ Hòa Bình" do luật sư Trịnh Đình Thảo chủ trì gồm có nhân sĩ, sinh viên, trí thức, v.v... cũng nằm trong chiến lược này.

Ban chấp hành bầu ra 43 ủy viên chính thức và 28 ủy viên dự khuyết. Hồ Chí Minh được đề cử Chủ tịch Đảng và Lê Duẩn làm Bí Thư Thứ Nhất.

Bộ Chính Trị, ngoài Hồ Chí Minh, còn có Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Hoàng Văn Hoan, Trần Quốc Hoàn (dự khuyết), Văn Tiến Dũng (dự khuyết).

Đại Hội IV từ 14 đến 20-12-1976 tại Hà Nội

Phải đợi tới 16 năm sau, Đảng Cộng Sản Việt Nam mới tổ chức Đại Hội IV. Trong khoảng thời gian dài này, nhiều biến cố quan trọng đã xảy ra trong và ngoài nước. Từ tháng 4-1975, cả nước đã thống nhất dưới chế độ cộng sản.

Đại Hội IV có thể gọi là đại hội say sưa chiến thắng của cộng sản. Họ đã lỡ mất cơ hội để thực hiện hòa giải dân tộc mà hậu quả là cả triệu người đã vượt biển ra đi trong những năm sau đó. Đại hội IV cũng là đại hội thanh trừng các phần tử thân Trung Quốc như Hoàng Văn Hoan, Ngô Minh Loan, Lê Liêm, v.v... Hoàng Văn Hoan, ủy viên Bộ Chính Trị, cựu Đại sứ ở Bắc Kinh, bị loại ra khỏi Ban Chấp Hành Trung Ương và được đề cử là Phó Chủ Tịch Quốc Hội.

Phải nói là cộng sản Việt Nam, từ khi Mỹ đem quân vào chiến trường Việt Nam, đã nghiêng hẳn về phía Liên Xô vì Trung Quốc không thể giúp Việt Nam có thêm vũ khí hiện đại và cũng không có phương tiện tài chánh. Từ khi Mao tiếp kiến Nixon năm 1972, cộng sản Việt Nam và Trung Quốc bắt đầu có xung đột. Tới tháng 6-1978, khi Việt Nam gia nhập COMECON và ký hiệp định quân sự với Liên Xô tháng 11 thì bang giao Việt-Trung chính thức rạn vỡ để đi tới chiến tranh trong tháng 2-1979.

Trở lại Đại Hội IV, Báo Cáo Chính Trị do Lê Duẩn đọc kể những "thắng lợi về vang" của đảng và khẳng định Việt Nam sẽ "trở thành trong khoảng 20 năm một nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh và phong phú". Về chiến lược kinh tế, Lê Duẩn nói "nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa". Tình trạng kinh tế lạc hậu của Việt Nam hiện nay đủ chứng tỏ là Đảng Cộng Sản Việt Nam đã hoàn toàn vô trách nhiệm trong các nghị quyết. Về chiến lược xây dựng "xã hội chủ nghĩa", Lê Duẩn lại nói "con đường đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, con đường nhanh nhất dẫn ta tới chủ nghĩa xã hội là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng [...], trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật giữ vị trí then chốt".

Báo cáo về khuynh hướng và nhiệm vụ kế hoạch ngũ niên

(1976-1980) được Phạm Văn Đồng trình bày. Về nông nghiệp, mục tiêu cho năm 1980 là 21 triệu tấn. Mười năm sau (1990), mục tiêu này vẫn chưa đạt được trong khi dân số tăng thêm hơn 12 triệu! Các mục tiêu khác về kỹ nghệ, giáo dục, văn hóa, v.v... không có mục tiêu nào đạt được kết quả như Đại Hội đề xướng.

Đại Hội lại quyết định đổi tên Đảng Lao Động thành Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đại Hội này có 1.008 đại biểu đại diện cho 1,55 triệu đảng viên. Một Ban Chấp Hành Trung Ương được bầu ra gồm 101 ủy viên chính thức và 32 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính Trị gồm 17 người: Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Trần Quốc Hoàn, Văn Tiến Dũng, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Tố Hữu (dự khuyết), Võ Văn Kiệt (dự khuyết), Đỗ Mười (dự khuyết). Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí Thư đảng.

Đại Hội V từ 27 đến 31-3-1982 tại Hà Nội

Đại Hội này có thể nói là đại hội khủng hoảng về chính trị, kinh tế, xã hội và ngoại giao. Như chúng ta đã thấy, từ 1976 trở đi, Việt Nam đứng hẳn về phía Liên Xô.

Tháng 12-1978, bộ đội cộng sản Việt Nam tiến công Kampuchea, đuổi quân Khmer đỏ Pol Pot ra vùng biên giới Thái Lan và đưa Heng Samrin lên thành lập chính phủ thân Việt Nam ở Phnom Penh. Trung Quốc trả đũa đem quân chiếm Cao Lạng tháng 2-1979 với ý định cho cộng sản Việt Nam "một bài học".

Về kinh tế và xã hội, cộng sản sau khi vội vã thống nhất hai miền, chủ trương cải tạo công thương nghiệp và nông nghiệp ở miền Nam do Tố Hữu và Đỗ Mười thực hiện. Kết quả như ai cũng biết, miền Nam "được" ăn khoai thay vì ăn gạo. Chiến dịch bài Hoa trong năm 1978 đưa nền kinh tế đi vào hỗn loạn.

Diễn văn khai mạc do Trường Chinh đọc chào mừng 1.033 đại biểu đại diện cho 1,7 triệu đảng viên. Trường Chinh nói "nhân dân ta đã thu được những thắng lợi to lớn [...], nhưng bên cạnh thắng lợi và thành tựu, chúng ta đã và đang gặp khó khăn [...], và ngày nay đang đứng trước những âm mưu, hành động phá hoại và xâm lược của kẻ thù mới: chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền Trung Quốc".

Báo cáo chính trị do Lê Duẩn đọc cho biết "năm năm qua được ghi vào lịch sử dân tộc như một đoạn đường thắng lợi rất vẻ vang của Cách Mạng Việt Nam". Lê Duẩn cũng thú nhận là về mặt kinh tế, xã hội, văn hóa có "nhiều khó khăn" nhưng đổ lỗi cho "khuyết điểm, sai lầm của các cơ quan đảng và nhà nước từ trung ương đến cơ sở về lãnh đạo...", cho "nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, lại phải gánh chịu những hậu quả hết sức nặng nề của chiến tranh lâu dài và chủ nghĩa thực dân..." và cho "thiên tai, bão lụt và phá hoại của bọn phản động Trung Quốc...". Người ta có cảm giác là Đại Hội là diễn đàn kiểm thảo tập thể để rồi không ai chịu trách nhiệm. Lê Duẩn cũng vạch đường hướng và nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế, xã hội cho năm năm tới là phải "tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa...".

Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế do Phạm Văn Đồng đọc. Ông Đồng nhấn mạnh "giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và thực phẩm" vì trong năm năm qua "đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn".

Một Ban Chấp Hành mới được bầu ra gồm có 116 ủy viên chính thức và 36 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính Trị gồm có: Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng, Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Tố Hữu, Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Cơ Thạch (dự khuyết), Đồng Sĩ Nguyên (dự khuyết).

Một số nhân vật mặc dù còn là ủy viên Trung Ương nhưng bị loại khỏi Bộ Chính Trị như: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Văn Linh. Võ Nguyên Giáp không được bầu vào Bộ Chính Trị hình như vì bất đồng ý kiến về chủ trương xâm chiếm Kampuchea của Lê Duẩn, còn Nguyễn Văn Linh vì lập trường "cởi mở" ở miền Nam bị phe bảo thủ của Lê Đức Thọ kèm hãm và phải đợi tới Hội Nghị lần thứ VIII (tháng 6-1985) mới được phục hồi chức ủy viên Bộ Chính Trị và vào Ban Bí Thư (tháng 6-1986). Một số nhân vật thân Liên Xô như Xuân Thủy (Chủ tịch Hội Hữu Nghị Việt Xô), Nguyễn Thành Lê (Trưởng ban Đối ngoại Trung Ương Đảng), Nguyễn Hữu Mai (Đại sứ tại Liên Xô) bị gạt khỏi Ban Chấp Hành.

Đại Hội VI từ 12 đến 18-12-1986 tại Hà Nội

Đại Hội này được cộng sản cho là Đại Hội "đổi mới". Lần đầu tiên ký giả Tây phương được chấp nhận cho tham dự làm công tác báo chí. Một số ký giả vội gán cho Nguyễn Văn Linh nhãn hiệu "Gorbachev Việt Nam". Nhưng các phản ứng của Nguyễn Văn Linh sau các biến cố tại Đông Âu cuối năm 1989 cho thấy ông ta hoàn toàn thiếu sáng suốt trước tình thế biến đổi của thế giới. Tuy nhiên, cũng phải nói Đảng Cộng Sản Việt Nam, dưới áp lực của hoàn cảnh khó khăn trong nước, phải chấp nhận một vài thay đổi mới về kinh tế, xã hội và ngoại giao trong những năm đầu sau Đại Hội VI.

Sau Đại Hội VI, cộng sản Việt Nam và cộng sản Trung Quốc vẫn tiếp tục giao chiến ở biên giới và quần đảo Trường Sa. Bộ đội cộng sản Việt Nam lại phải đương đầu với quân Khmer đỏ ở biên giới Thái-Kampuchea. Kinh tế đã hoàn toàn kiệt quệ lại còn phải nuôi trên một triệu binh lính trong nước và 200.000 quân tại Kampuchea và Lào. Hoa Kỳ vẫn tiếp tục phong tỏa kinh tế Việt Nam. Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế không cho Việt Nam vay thêm vì nợ cũ không trả nổi. Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu cúp viện trợ để phản đối sự hiện diện của bộ đội cộng sản Việt Nam trên đất Kampuchea. Thêm vào đó, cuộc cải cách về tiền tệ năm 1985 do Tố Hữu, Phó Thủ Tướng đặc trách về kinh tế, hoàn toàn thất bại. Lạm phát phi mã trên 1000% một năm, đội quân thất nghiệp ngày càng gia tăng (8 triệu). Lê Duẩn chết (7-1986), Trường Chinh lên thay thế và không lâu sau đó cũng chết (ngày 30-9-1988).

Trước tình trạng đó, Đảng Cộng Sản Việt Nam bắt buộc phải "đổi mới". Khác với các lần trước, Đại Hội không đưa ra một kế hoạch cho năm năm tới mà giao khoán cho Bộ Chính Trị soạn thảo.

Báo cáo chính trị của Trường Chinh lần này "khiếm tốn" hơn các lần trước. Những "thắng lợi to lớn" trở thành "thắng lợi giành được" khi ông ta nói "năm năm qua là đoạn đường đầy thử thách. Bên cạnh những thắng lợi giành được, chúng ta đã mắc một số khuyết điểm và sai lầm. Cách mạng nước ta có những nhân tố thuận lợi mới nhưng cũng đang đứng trước nhiều khó khăn gay gắt". Trường Chinh lại tự kiểm thảo, cho rằng các nghị quyết của

Đại Hội IV và Đại Hội V đều hoàn toàn không thực tế, "mười năm qua, hai kỳ Đại Hội Đảng đều ghi vào nghị quyết nhiệm vụ căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nhiệm kỳ đại hội đó, song đều chưa thực hiện được. Cuộc sống cho ta một bài học thấm thía là không thể nóng vội làm trái qui luật..."

Về nhân sự, phái bảo thủ do Lê Đức Thọ đứng đầu, chấp nhận một thỏa thuận. Nguyễn Văn Linh được 1.129 đại biểu đại diện cho 1,8 triệu đảng viên bầu làm Tổng Bí Thư. Phạm Văn Đồng, Trường Chinh, Lê Đức Thọ được bổ nhiệm "cố vấn". Một số ủy viên Ban Chấp Hành không được tái cử như Tố Hữu (Bộ Chính Trị), Chu Huy Mân (Bộ Chính Trị), Hoàng Tùng (Ban Bí Thư), Vũ Đình Liệu (Phó Thủ Tướng), Trần Quỳnh (Phó Thủ Tướng), Vũ Quang (Trưởng Ban Liên Lạc Ngoại Giao), Nguyễn Thị Bình (Bộ trưởng Giáo Dục), v.v...

Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng mới có 124 ủy viên chính thức và 49 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính Trị có 13 ủy viên chính thức: Nguyễn Văn Linh, Phạm Hùng, Võ Chí Công, Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Thọ, Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Cơ Thạch, Đồng Sĩ Nguyên, Trần Xuân Bách, Nguyễn Thanh Bình, Đoàn Khuê, Mai Chí Thọ và một ủy viên dự khuyết Đào Duy Tùng (trở thành chính thức năm 1988). Phạm Hùng được cử làm Thủ Tướng và Võ Chí Công Chủ Tịch nước.

*

* *

Đại Hội VII mở ra trong một bối cảnh cực kỳ bi đát cho đất nước và vô cùng bối rối cho Đảng Cộng Sản Việt Nam. Trong suốt quá trình lịch sử 60 năm qua, Đảng Cộng Sản Việt Nam có trách nhiệm rất lớn trong sự thoái hóa của Việt Nam. Trong khi các nước láng giềng, cùng trình độ phát triển trong những năm 1950, nay đã trở thành các cường quốc kinh tế mới đang trên đường phát triển kỹ nghệ, đời sống dân chúng được nâng cao và dần dần trở thành dân chủ. Thu nhập đầu người của Đài Loan, Nam Triều Tiên, Thái Lan, Singapore, Mã Lai đã vượt hẳn thu nhập của người Việt Nam. Thu nhập đầu người của Đài Loan năm 1989 là 8.000 mỹ kim trong khi Việt Nam chỉ lần quần ở mức 200 mỹ kim.

Những biến cố lịch sử ở Đông Âu và thế giới cho ta thấy tiến bộ loài người, tự do dân chủ, cơm no áo ấm không xuất phát từ các nước cộng sản. Ngày nay, cả Liên Xô cũng phải xin viện trợ của Tây phương để nuôi sống dân chúng. Trước những biến chuyển của thế giới như vậy, Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn chủ trương tiếp tục theo đuổi con đường ảo huyền xã hội chủ nghĩa bằng cách bám víu chính quyền. Họ sẽ không ngần ngại, vì quyền lợi cá nhân, liên kết với Trung Quốc để đi ngược lại quyền lợi dân tộc.

Người Việt yêu chuộng tự do mong muốn đất nước phát triển theo tiến bộ của loài người không thể im lặng nhìn Đảng Cộng Sản Việt Nam tiếp tục phá hoại đất nước bằng những nghị quyết điên cuồng.

Chúng ta phải tiếp tục đòi hỏi Đảng Cộng Sản Việt Nam thực hiện tự do dân chủ toàn bộ và khẳng định là Đại Hội VII lần này là đại hội cuối cùng của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Phải chăng việc Đảng Cộng Sản Việt Nam giao cho họ Đỗ làm người giữ "miếu cộng sản" có nghĩa là chế độ cũng sẽ đổ trong những tháng năm sắp tới?

Nguyễn Phi Phụng

Paris, tháng 6-1991

Lênin, Nguyễn Ái Quốc và thảm trạng của dân tộc Việt Nam

Tôn Thất Thiện

I

Trong những đề nghị được những nhân vật cộng sản có tên tuổi đối kháng lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam đưa ra gần đây, đề nghị đáng để ý hơn cả là đề nghị "trở lại" đường lối "cách mạng tư sản dân quyền" mà (Nguyễn Tất Thành mang danh) Hồ Chí Minh đã đề xướng năm 1945-46 với thể chế Dân Chủ Cộng Hòa, và (Nguyễn Tất Thành mang danh) Nguyễn Ái Quốc đề xướng năm 1930 dưới danh hiệu "Chánh cương vắn tắt" của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Những người nêu trên cho rằng đây là đường lối cần phải được áp dụng lại vì nó là một đường lối chiến lược đúng và đã được kiểm chứng bằng thắng lợi của Việt Nam trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ. Theo họ, có tình trạng bi đát của dân tộc Việt Nam và khủng hoảng của xã hội kinh tế ngày nay vì nhóm lãnh đạo hiện tại của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đi sai đường lối chiến lược mà "Bác" đã vạch ra.

Đại tá Bùi Tín, sau một thời gian ở Pháp, ngoài vòng kèm kẹp và bưng bít của Đảng, được dịp tự do và thông thả quan sát tình hình Tây phương, trao đổi ý kiến với nhiều Việt kiều hải ngoại, và có thì giờ bình tĩnh suy ngẫm, đã công nhận rằng chế độ xã hội chủ nghĩa hơn xã hội phong kiến, nhưng thua xa chế độ dân chủ đại nghị (nghĩa là tư bản), và kết luận rằng Việt Nam cần áp dụng một cuộc "cách mạng tư sản dân quyền" (hoặc "dân chủ tư sản" - bourgeois democratic revolution).

Người đối kháng thứ hai, ông Hoàng Minh Chính, tổ giác dám lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện tại đã áp dụng "Luận cương Trần Phú" chủ trương chủ nghĩa giáo điều tả khuynh ấu trĩ kiểu Stalin và Mao thay vì "Cương lĩnh Nguyễn Ái Quốc" chủ trương đường lối chiến lược "tư sản dân quyền" và "đại đoàn kết dân tộc". Theo ông Chính, đường lối "chiến lược" này "do Nguyễn Ái Quốc sáng tạo" và "xuất phát từ truyền thống văn hóa, đời sống nhân dân và yêu cầu thiết tha của các giai tầng và toàn thể dân tộc".

Khác với các ông Bùi Tín và Hoàng Minh Chính, ông Nguyễn Khắc Viện không hồ hào "trở lại" đường lối chiến lược của Nguyễn Ái Quốc, nhưng nhận định của ông đã đạt chế độ dân chủ tư sản, nghĩa là cho nó là dân chủ, tiến bộ và tốt (vì theo người cộng sản chỉ có chế độ dân chủ nhân dân, nghĩa là cộng sản, mới thực sự là dân chủ, tiến bộ và tốt).

Cuối cùng, theo ông Phan Đình Diệu (một người tuy không vào Đảng nhưng cũng được Đảng coi như người của Đảng), công nhận rằng học thuyết về cộng sản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa là "một sự ngộ nhận" đã đem lại cho dân tộc "nhiều thiệt thòi". Ông không vào Đảng, nhưng lại tổ giác tập đoàn lãnh đạo bằng những lời lẽ nhẹ nhàng hơn hai ông cộng sản trung kiên Bùi Tín và Nguyễn Khắc Viện! Nhưng đồng thời, danh từ ông dùng để đề nghị đường lối thay thế đường lối hiện tại của Đảng là "dân chủ đa nguyên đa đảng", là một danh từ không khác gì tư sản dân quyền (dân chủ tư sản), nghĩa là, theo các ông Tín và Chính, nó không khác gì đường lối mà "Bác" đã chủ trương.

Như vậy, tất cả những người trong Đảng, hay trong chế độ cộng sản đối kháng nhóm lãnh tụ hiện tại và chính sách của họ, đều chủ trương dẹp bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa và thay thế nó bằng chế độ tư sản dân quyền, trở về đường lối "chiến lược" của "Bác", đường lối chiến lược mà "Bác" đã tiếp nhận khi còn là Nguyễn Ái Quốc và gia nhập Đảng Cộng Sản Pháp, nghĩa là năm 1920, và đem áp dụng vào Việt Nam khi, "nhận chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản", như chính "Bác" đã tuyên bố vào tháng 2 năm 1930, "Bác" đã khai sinh Đảng Cộng Sản Việt Nam ở Cửu Long (Hồng Kông).

Nhưng đường lối cách mạng tư sản dân quyền, đại đoàn kết dân tộc có phải là một đường lối chiến lược không, và đường lối này có phải do chính "Bác" sáng tạo không? Đây là một vấn đề cực kỳ quan trọng về Đảng Cộng Sản Việt Nam và cho dân tộc Việt Nam. Cho nên câu hỏi trên đây cần được trả lời rõ ràng và tường tận.

II

Muốn hiểu biết rõ "tư sản dân quyền", hay, đúng hơn, "dân chủ tư sản" - nghĩa là dân chủ kiểu tư sản (bourgeois democracy) - đối thể của dân chủ kiểu cộng sản - mà người cộng sản gọi là "dân chủ nhân dân", hay "dân chủ xã hội chủ nghĩa" (people's democracy hay socialist democracy) - có phải là một đường lối chiến lược và do "Bác" sáng tạo không, ta phải nghiên cứu kỹ cuộc đời của Hồ Chí Minh, tức Nguyễn Tất Thành, và đặc biệt, mối liên hệ của ông ta với cộng sản quốc tế và với Lenin.

Khi nói tới cuộc đời của ông Hồ, ta nên nhớ rằng các văn kiện của Đảng Cộng Sản Việt Nam không ngớt nhấn mạnh rằng ông là "một chiến sĩ xuất sắc của phong trào cộng sản quốc tế", và báo chí Nga Sô đã phong cho ông ta danh vị "cominternchik" - người cán bộ xuất sắc và trung kiên hạng nhất của Đệ Tam Quốc Tế, đem hết đời mình phục vụ tổ chức này - danh vị mà trong tất cả các cán bộ cộng sản Á Đông chỉ có một mình Nguyễn Ái Quốc được vinh tặng. Còn riêng ông ta, ông cũng đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại câu: "Từ ngày đó tôi hoàn toàn tin vào Đệ Tam Quốc Tế và vào Lenin".

"Từ ngày đó" là từ năm 1920. Năm đó là năm Nguyễn Ái Quốc bỏ Đảng Xã Hội Pháp, cùng một nhóm đảng viên đảng này bỏ phiếu chấp nhận gia nhập Đệ Tam Quốc Tế và sáng lập Đảng Cộng Sản Pháp, đồng thời trở nên người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Nhưng quan trọng hơn nữa, "ngày đó" là ngày từ một người Việt Nam thuần túy quốc gia, Nguyễn Ái Quốc đã lột xác biến thành một người cộng sản quốc tế, gia nhập hàng ngũ của những người mà Marx gọi là "vô tổ quốc". Marx nói điều này không đúng lắm, vì theo quy chế của quốc tế cộng sản, Nga Sô là tổ quốc của những người theo xã hội chủ nghĩa.

Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật bỏ Pháp qua Nga Sô, và từ đây ông ta chính thức trở thành một cán bộ cao cấp đặc lực, trung kiên và rất được lãnh đạo Đệ Tam Quốc Tế tin nhiệm. Là một cominternchik, Nguyễn Ái Quốc đương nhiên chấp nhận quan điểm, chủ trương, mục tiêu chiến lược và phương thức hành

động của Đệ Tam Quốc Tế, nghĩa là của Lenin, người sáng lập Đệ Tam Quốc Tế và là người chỉ đạo tối cao của tổ chức này. Mà mục tiêu của Đệ Tam Quốc Tế do Lenin ấn định là làm cho cách mạng vô sản bành trướng khắp hoàn cầu, lật đổ tư bản và tiêu diệt tư sản khắp mọi nơi trên thế giới. Lenin đòi hỏi như vậy. Quy chế Đệ Tam Quốc Tế buộc như vậy. Và là một cominternchik, Nguyễn Ái Quốc buộc phải làm như vậy. Nhưng thật ra thì khỏi cần buộc ông ta. Ông ta rất sung sướng phục vụ quốc tế cộng sản. Như ông ta giải thích trong tập "Vừa đi đường vừa kể chuyện", tự truyện của ông ta (viết năm 1950 dưới bút hiệu T. Lan), những ngày ở Nga Xô là "những ngày sung sướng nhất trong đời Bác".

Hồ Chí Minh đã hằng tuyên bố rằng chủ nghĩa Lenin là chủ nghĩa "chân chính nhất" (1926); là "cẩm nang thần kỳ", cái "vũ khí không gì thay thế được", là "mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi đến thắng lợi cuối cùng, đi tới xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản" (1960), và "đối với tất cả mọi công tác cách mạng, việc thành lập Đảng và Nhà nước cũng như những việc xây dựng kinh tế văn hóa, chúng tôi đều cố gắng làm theo đường lối Lenin đã vạch ra" (1962).

III

Hồ Chí Minh chủ trương cách mạng tư sản dân quyền (1930), đại đoàn kết dân tộc (1939-1945), dùng Việt Minh để cướp chính quyền (1945), rồi dùng Liên Việt (1946), kế đến là Mặt Trận Tổ Quốc (1955), để củng cố chính quyền bằng cách lừa tất cả mọi người vào mạng lưới của Đảng. Nhưng sau khi đã củng cố được chính quyền để đương đầu với Pháp, rồi loại được nguy cơ Pháp, ông Hồ hết giấu tay và mạnh mẽ thực hiện "cách mạng thổ địa" (1953-1956), kế đó là "cải tạo tư sản" (1957-1959). Tiếp theo đó là Hiến pháp mới (1960) thể chế hóa địa vị lãnh đạo độc tôn của Đảng Cộng Sản Việt Nam: cuộc cách mạng tư sản dân quyền coi như chấm dứt. Trong thâm tâm của ông Hồ và tập đoàn lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam, nó chỉ có tính cách chiến thuật.

Người chủ mưu và điều khiển cuộc dẹp bỏ cách mạng tư sản dân quyền không ai khác là Hồ Chí Minh. Sau khi ông ta chết (1969), đàn em tin cẩn được ông ta chọn lọc và huấn luyện rất kỹ trong hơn 40 năm đã tiếp tục sự nghiệp của ông ta. Họ đi rất đúng đường. Mà đường lối ông Hồ đã đi và đã dẫn đàn em đi theo không phải là đường lối do ông ta sáng tạo, mà là đường lối của Lenin vạch ra, như ta đã thấy rõ ở trên.

Thất bại hiện nay của cộng sản Việt Nam, cũng như thất bại của tất cả các đảng cộng sản trên thế giới, là thất bại của chủ nghĩa Lenin. Tất cả những gì ông Hồ và đàn em đã nói và làm, và ép buộc toàn dân Việt Nam phải hát và làm trong mấy chục năm nay đều xuất phát từ chủ nghĩa Lenin. Cái tội, hay cái lỗi lớn, của ông Hồ và tập đoàn lãnh tụ cộng sản đã trị vì Việt Nam hơn 35 năm nay, là đã trình bày một thủ đoạn chiến thuật của đảng như là đường hướng chiến lược cho dân tộc. Đường hướng chiến lược cho ông Hồ là đường hướng chủ nghĩa cộng sản tại Việt Nam và trên toàn cầu, theo đúng chủ trương của chủ nghĩa Lenin. Nó là một đường hướng mang lại tai họa: chiến tranh, nghèo đói, kinh tế lạc hậu, chính trị bất nhân, đạo lý đảo lộn.

Vậy vấn đề căn bản của Việt Nam hiện nay trái với những phân tích của những người đối kháng Đảng nêu trên, không phải là sự cố bám chực vị và chính sách sai lầm của tập đoàn lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay, mà là sự duy trì chủ nghĩa Lenin và bộ máy để áp dụng chủ nghĩa này, là Đảng Cộng Sản Việt Nam

và chế độ cộng sản hiện tại. Đòi đám Mai Chí Thọ - Đỗ Mười từ chức để nhường chức cho ông Võ Nguyên Giáp hay một ông nào đi chăng nữa mà không từ bỏ chủ nghĩa Lenin và dẹp bỏ Đảng Cộng Sản Việt Nam và chế độ cộng sản thì, về căn bản, chẳng có gì thay đổi cả. Ông Giáp cũng là cộng sản, được huấn luyện theo chủ nghĩa Lenin vậy. Ông lên nắm quyền thay đám Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ thì cũng chỉ đem lại vài đổi thay lật vật. Chẳng đến đâu. Như người Mỹ nói trong trường hợp như vậy: "Peanuts" hay "cosmetic change" (chuyện tép riu, hay thay đổi son phấn).

Điều mà Việt Nam rất cần để ra khỏi tình trạng bế tắc hiện nay là dẹp bỏ chủ thuyết Lenin và tất cả những gì liên hệ đến nó về nội dung. Những người cộng sản, vì tình cảm, muốn giữ lại Đảng của họ với cái tên Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng được đi, với điều kiện họ dứt khoát và thực tình loại bỏ: đấu tranh giai cấp, chuyên chế vô sản, bạo lực cách mạng, dân chủ tập trung, độc quyền độc tôn của Đảng, chủ nghĩa bốn-sẽ-vịch, chính sách lý lịch, chính quyền nông-công-binh, kinh tế chỉ huy, khinh miệt và đàn áp trí thức, hiệp định và kim ép tư sản, v.v... họ phải chấp nhận làm một đảng như những đảng khác, tranh thủ lá phiếu của nhân dân một cách đàng hoàng, minh bạch và lương thiện, căn cứ trên tài đức của những ứng cử viên mà họ đưa ra, chịu chấp nhận thất bại và tôn trọng chính quyền đã được nhân dân lựa chọn qua những cuộc bầu cử đúng đắn, kiên nhẫn đợi cuộc tuyển cử sau, không âm thầm phá rối chính phủ đương quyền.

Như trên đây mới là đặt đúng vấn đề căn bản thực sự của đất nước. Những người cộng sản thức tỉnh phải cố gắng đi thêm vài bước nữa trong sự phân tích tình hình xứ sở để đề nghị những giải pháp thích hợp và triệt để hơn nữa, vượt qua một vài cá nhân để giải quyết vấn đề quốc gia và dân tộc tận gốc rễ của nó. Họ phải làm một sự cố gắng suy tư sâu rộng, khách quan và ở một cấp cao hơn, từ chối coi chủ nghĩa Lenin và Đảng Cộng Sản Việt Nam như là những gì không thể động tới, mà chỉ là những công cụ có lẽ cần thiết trong một giai đoạn nào đó - tranh đấu cho độc lập xứ sở -, trong một cục diện thế giới nào đó - còn một số thực dân chưa giác ngộ, trong một thế giới lưỡng cực và đối đầu hai siêu cường Nga-Mỹ -.

Nay thâu hồi độc lập không còn là vấn đề lớn của xứ sở và mối ưu tư lớn của dân tộc nữa. Cục diện thế giới đã đổi thay từ thế giới lưỡng cực qua thế giới đa cực, thực dân đã hết, và Nga-Mỹ đã đồng thuận chấm dứt chiến tranh lạnh và hợp tác chặt chẽ để xây dựng một thế giới mới, dân chủ và phồn vinh tới đa khắp mọi nơi trên hoàn cầu. Đây là một sự may mắn rất lớn cho Việt Nam. Chúng ta không bị kẹt trong sự tranh hùng tranh bá giữa hai siêu cường nữa. Ta có thể dồn hết tâm trí, thì giờ, nghị lực, tài nguyên, tài năng vào công việc chính, mục tiêu chiến lược thực sự của dân tộc ta: phát triển kinh tế tối đa trong thời gian nhanh nhất, để sớm thoát khỏi tình trạng nghèo đói và lạc hậu. Muốn giải quyết hai vấn đề chiến lược này, ta cần những công cụ khác hơn là chủ nghĩa Lenin và Đảng Cộng Sản Việt Nam, vì nó chỉ là công cụ để giải quyết những vấn đề chiến thuật gây quyền lực cho một nhóm người phục vụ Đảng Cộng Sản Việt Nam và Đệ Tam Quốc Tế - ông Hồ và đồ đệ - nhưng đã đẩy xứ sở và dân tộc Việt Nam xuống vực thẳm.

Tôn Thất Thiện

Montréal, tháng 5-1991

Đã đến lúc cần phải thực tế

Trần Văn Thống

Thế giới đã bước vào một chu kỳ biến động. Khát vọng tự do dân chủ và phát triển kinh tế của các dân tộc đang lần lượt đưa đến sự sụp đổ của các chế độ độc tài. Việt Nam không thể là một trường hợp ngoại lệ.

Cộng sản Việt Nam đã ý thức nhu cầu đổi mới. Nhưng trong lãnh đạo, đảng và nhà nước hiện nay còn nhiều thành phần bảo thủ. Không có khả năng quản lý những biến động của thực tế, họ đã lúng túng sợ sệt khi phải đối diện với những vấn đề lớn của đất nước. Chủ trương đổi mới, rồi lại chống đổi mới. Kêu gọi mọi người "tự cởi trói" để tranh đấu cho quyền tự do ngôn luận, rồi lại lên án những người dám nói thẳng nói thật. Hồ hào hòa giải và hòa hợp dân tộc, rồi lại lo sợ hòa giải và hòa hợp sẽ làm cho chủ nghĩa xã hội bị "hòa tan hòa nhập vào chủ nghĩa tư bản".

Chính trị là nghệ thuật quản lý thực tại. "Tư duy trừu tượng phải được kiểm chứng bằng thực tế khách quan". Người lãnh đạo cần thức tỉnh để lãnh hội những bài học thực tế của quá khứ, để có nhận thức đúng về thực tại, và để đừng có những ảo vọng về tương lai.

Kinh nghiệm thực tế của quá khứ

Đảng cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo thành công hai cuộc chiến tranh giành độc lập. Nhưng Phi Luật Tân, Mã Lai, Nam Dương, Ấn Độ... kháng chiến không do cộng sản lãnh đạo cũng đã giành được độc lập, sớm hơn và ít hy sinh xương máu hơn Việt Nam. Thực tế là sự lựa chọn con đường cộng sản của ông Hồ Chí Minh đã tạo thêm chướng ngại cho công cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc, đã khiến Hoa Kỳ yểm trợ Pháp trong cuộc chiến 1945-1954, thay vì áp lực Pháp trả lại độc lập cho Việt Nam.

Chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và tiến hành chiến tranh giải phóng ở Miền Nam, biến Việt Nam thành tiền đồn tiến công của thế giới cộng sản, đã đưa đất nước vào cuộc chiến tranh với Mỹ, đã làm kiệt quệ sinh lực nhân dân Miền Bắc, đã làm hỏng tiến trình phát triển kinh tế và xây dựng dân chủ ở Miền Nam.

Sau 30 năm chiến tranh, chủ trương liên kết với Liên Xô và trở mặt với Trung Quốc đã đưa Việt Nam đến những can thiệp trực tiếp ở Lào, đến cuộc phiêu lưu quân sự ở Kampuchea, đến chiến tranh biên giới Việt - Hoa.

Nếu Hà Nội không bắt buộc Hoa Kỳ phải thừa nhận bốn chữ "bồi thường chiến tranh" sau hiệp định Paris, thì hai miền Nam - Bắc Việt Nam đã nhận được 7,5 tỷ đô la viện trợ tái thiết từ lâu, và Đảng Cộng Sản Việt Nam đã tránh được tình cảnh khó khăn

của ngày hôm nay khi phải mời mọc Hoa Kỳ và Nhật Bản sử dụng quân cảng Cam Ranh, chấp nhận "hợp tác chặt chẽ" với Mỹ, và sẵn sàng "bày tỏ thiện chí".

Nhận định đúng thực tại

Đất nước đang lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng. Để giải quyết khủng hoảng, chủ trương trở lại với tình trạng ổn định trước năm 1975 là một quan niệm không thực tế.

Giai đoạn 1954-1975, cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân hy sinh tất cả để phục vụ những mục tiêu chiến tranh, không cần tính toán đến vấn đề hiệu năng. Đảng đã được hưởng một thời vàng son với sự phục tùng tuyệt đối, vô điều kiện của cán bộ đảng viên và nhân dân. Nhưng đây chỉ là sự ổn định nhất thời, với một bộ máy kèm kẹp vạn năng được biện minh bằng nhu cầu chiến đấu. Cải cách ruộng đất và phong trào Nhân Văn Giai Phẩm là những thí dụ điển hình.

Xã hội Việt Nam và bối cảnh quốc tế ngày nay đã hoàn toàn không giống như thời trước. Đổi tên đảng, tên nước trở về với tên cũ, đề cao thần tượng Hồ Chí Minh, không phải là phương thức giải quyết khủng hoảng mà cán bộ đảng viên và nhân dân mong đợi. Ngoại trừ những thành phần cộng sản bảo thủ và toan tính, không ai muốn trở lại với giai đoạn "ổn định" thời 1954-1975.

Thực tế là cơ cấu kinh tế đã thay đổi, đòi hỏi kiến trúc chính trị cũng phải đổi thay.

Sau năm 1975, hệ thống kinh tế thị trường ở Miền Nam đã cạnh tranh và bóp chết hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chợ trời với những sản phẩm ngoại nhập và các mặt hàng sản xuất "chui" của khu vực tư nhân đã đưa các xí nghiệp quốc doanh đến tình trạng phá sản. Muốn ổn định cần phải hợp pháp hóa và định chế hóa kinh tế thị trường. Các xí nghiệp quốc doanh cần phải được tổ chức lại để có hiệu quả kinh tế. Cần phải chấm dứt những đặc quyền đặc lợi của các cán bộ đảng viên không có khả năng quản lý kinh doanh mà vẫn nắm độc quyền lãnh đạo cơ sở sản xuất. Cần phải chấp nhận và khuyến khích tự do kinh doanh, phải tôn trọng và bảo vệ quyền tư hữu.

Nếu xí nghiệp quốc doanh không có hiệu năng, thì phải tư hữu hóa, trao lại xí nghiệp cho khu vực tư nhân. Nếu chế độ không có khả năng giải quyết khủng hoảng, thì phải thay đổi chế độ.

Không nên có ảo vọng về tương lai

Đảng tin tưởng là tài trợ của các nước tư bản sẽ giúp Việt Nam giải quyết khủng hoảng, phục hồi và phát triển.

Tin tưởng đơn giản như vậy rất nguy hiểm và không thực tế. Tài trợ quốc tế có thể đem lại cho nhà nước một số ngoại tệ cần thiết, nhưng cũng có thể có tác dụng tai hại cho các thế hệ hiện tại và tương lai. Phá rừng để bán gỗ cho Nhật, cho phép Đài Loan và Đại Hàn vét sạch từng đàn cá dưới biển Đông bằng dàn lưới

Trăn trở

Nguyễn Anh Tuấn

Một nhà thơ quân đội của chế độ cộng sản Việt Nam đã thẳng thốt tự hỏi lòng mình sau hơn 30 năm chiến đấu cho chủ nghĩa cộng sản. Ông viết:

*"Có cái gì như dấu hỏi trong ta
Niềm trăn trở tháng ngày cuộn sóng
Trời mùa đông ta bới tìm tia nắng
Nhặt lá rụng đầu thu ta bắt gặp chiều xuân".*

Không phải chỉ có một nhà thơ quân đội cộng sản đang xét lại cuộc đời mình, tự phê phán mình đã cống hiến cả cuộc đời cho một lý tưởng không phải là lý tưởng, và giờ đây tác giả thấy mình đã bị lừa, ông đã hy sinh đời mình vào những gì không xứng đáng. Biết bao trí thức Việt Nam, những nhà văn, nhà thơ, những nhà khoa học, những người Việt Nam có lương tri đã trót cống hiến cả cuộc đời mình cho chủ nghĩa cộng sản đang thao thức đau buồn tự vấn tội mình, và nỗi đau này biết tỏ cùng ai:

"Khi tất cả sống không cần đạo lý!

Nhân tình

Khối đá

đập vào nhau".

Khi người sĩ quan lừng danh trong chiến thắng Điện Biên ngày xưa giờ đây đi bán kem rong ngoài đường phố:

"Ai kem không!

Ai kem không!

Tiếng rao của bác se lòng người mua

Gió mùa đã cướp nắng trưa

Áo len đã mặc, tiết vừa sang đông.

Ai kem không!

Ai kem không!

Bác gieo giá buốt vào lòng chúng tôi.

Tiếng rao như tiếng kêu trời!..."

Trong xã hội cộng sản Việt Nam ngày nay có những cựu sĩ quan cấp tá đi bơm xe, bán kem, bán nước chè ngoài đầu đường để kiếm sống đã là chuyện thường tình, ngoài đường nhan nhản những trí thức Việt Nam, kỹ sư, bác sĩ đi đập xích-lô, bán thuốc lá thêm để kiếm sống, vì đồng lương không đủ ăn. Những "quan cách mạng" nhìn những hiện tượng đó một cách hững hờ, họ không có thời gian đâu để quan tâm đến những con người bị xã hội bạc đãi đó, cái quan tâm của những ông quan cách mạng đương thời là cố vơ vét làm sao cho đầy túi tham bằng bất cứ thủ đoạn trắng trợn đê hèn nào, nếu như họ có thể làm được để chóng trở thành "tư bản đỏ", để mặc những con người khốn khổ bị xã hội vất bỏ thẫn thờ một mình:

"Cho anh một phút hững hờ

Một giây im lặng, một giờ xa nhau.

Gió ơi gõ nhẹ tàu cau

Chim ơi, đừng hót cho nhau được nhờ!

Góc nhà: tâm sự cùng thơ,

Lật trang giấy

bỗng!

ngẩn ngơ... một mình!"

Sức chiến đấu của những con người đã trải dài cuộc đời cho cách mạng vô sản Việt Nam đi lên đến cái đỉnh cao tột tận hiện nay của nó, đã trở nên bạc nhược trong một số người nhất định. Họ chưa dám đứng lên tố chức thành một đảng đối lập để quật ngã cái nhóm người tham những đầu cơ cách mạng, bòn rút của dân, họ cũng chưa dám hy sinh, từ bỏ gia đình vượt ra nước ngoài dùng ảnh hưởng của mình đấu tranh với bọn độc quyền chuyên chế

Đã đến lúc cần phải thực tế

đã bị Liên Hiệp Quốc ra nghị quyết cấm sử dụng, ... là những tác vụ có hại nhiều hơn là có lợi. Việt Nam chưa có nhà máy lọc dầu, còn phải nhập xăng dầu cho nhu cầu nội địa, thì không nên cho phép đầu tư kỹ thuật và tư bản ngoại quốc khai thác dầu thô xuất cảng.

Bản chất của tư bản là đi tìm lợi nhuận. Đầu tư là một nghiệp vụ đòi hỏi những số vốn lớn, và sẽ chỉ đem lại lợi lộc trong trường kỳ. Chưa có ổn định chính trị, xã hội và kinh tế thì Việt Nam chưa có khả năng thu hút đầu tư của thế giới tư bản.

Một quốc gia tư bản như Hoa Kỳ, vì những quyền lợi trong vùng tây bộ Thái Bình Dương, có thể sẽ chấp thuận một số chương trình đầu tư cơ bản để giúp Việt Nam xây dựng hạ tầng cơ sở kinh tế cần thiết cho tiến trình phát triển. Nhưng chắc chắn

là họ sẽ đòi hỏi Việt Nam phải thực hiện tự do dân chủ, tôn trọng nhân quyền, phải chấp nhận kinh tế thị trường, bảo đảm quyền tự do kinh doanh.

Muốn nhận tài trợ của các nước tư bản, muốn sử dụng kiến thức và kinh nghiệm của các chuyên viên quản trị được đào tạo trong hệ thống kinh tế tư bản, muốn có những xí nghiệp hoạt động hiệu quả để đảm nhận vai trò đối tác của các xí nghiệp ngoại quốc, muốn khu vực tư nhân sản xuất thêm nhiều của cải cho xã hội, thì chủ trương dứt khoát đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ là một nghịch lý không thể chấp nhận trong thực tế.

Người ta chờ đợi những sáng kiến thực tiễn của Đại Hội VII.

Trần Văn Thông

Ngày 31-05-1991

trong nước như Bùi Tín đã làm, hoặc can trường đứng lên tố cáo như người con gái kiên cường, nhà văn trẻ Dương Thu Hương. Họ tự đi vào con đường quên lãng, bi quan, yếm thế nên họ đã than thở:

*"Người ta ra đi
Có một trăm vòng hoa tiễn đưa
Dọc đường màu sắc
Đám trẻ vỗ tay
Đếm từng vòng hoa lướt qua.*

*Những số phận
Ló qua cửa
Nghĩ về mình
Ước chừng vòng hoa sẽ có?*

*...
Nắm mồ phủ kín hoa
Người dưới mộ ghen thờ
Người và hoa bỏ ngõ
Tất cả cùng cô đơn.*

*Nhưng số phận
Nghĩ về mình
Mím cười!"*

Tôi đã gặp những con người như vậy, những con người trí thức Việt Nam rất đổi anh minh tài giỏi trước kia, giờ đây đã trở thành những con người ủ rũ, u sầu, bi quan yếm thế, họ cảm thấy đường như xấu hổ vì đã trót phung phí cuộc đời trai trẻ cho một cái gì không xứng đáng, và ghen ngào cảm thấy cuộc đời đã đi vào bế tắc, thần thờ, u uất như đại như điên, khi thấy cuộc đời mình đã bị vứt qua khung cửa sổ, và một thứ ánh sáng chập chờn như những bóng ma đang làm tê liệt những sinh lực còn lại của họ. Đó chính là cái đáng buồn cho đất nước chúng ta. Khi những người cha người chú đã từng đau cái đau của đất nước, đã từng hận cái giả dối lọc lừa của những người cộng sản chuyên quyền, thiếu tự tin và đi vào con đường tự an ủi mình bằng cái chết vô vị, trong lúc đó nhiều thanh niên trong nước đang thả mình trong vũng bùn của dâm ô trụy lạc, lưu manh trộm cắp, nên đã tạo nên một xã hội Việt Nam đời bại suy vong dưới chế độ cộng sản Việt Nam đang cơn giãy chết.

Phong trào dân chủ đa nguyên ở trong nước chưa đủ mạnh để lôi cuốn quảng đại quần chúng nhân dân vùng lên đấu tranh lật đổ chế độ mục ruỗng đương thời. Nhiều thanh niên có tâm huyết đang bàng hoàng trước ngã ba đường, không biết tìm đâu con đường chân chính để đi theo. Nhiều cán quân cộng sản chẳng ưa gì cái chính thể đương thời, nhưng hỏi họ đi theo ai, theo con đường nào để giải cứu cho dân tộc thì họ vẫn còn bế tắc. Nhiều người nghe nói có nhóm Thông Luận ở nước ngoài chủ trương hòa giải hòa hợp dân tộc và xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên, họ rất tán thành, nhưng phải làm gì thì họ chưa biết và cũng chưa có ai chỉ bảo cho họ biết phải làm gì.

Trong lúc đó các tổ chức chính trị của người Việt hải ngoại vẫn

còn tiếp tục tranh cãi, vẫn chưa có một tổ chức tâm cơ tập hợp được thật đông đảo người Việt Nam hải ngoại và có cương lĩnh, chính trị hẳn hoi, có phương châm và kế hoạch thực hiện để thâm nhập vào trong nước, dựng những tâm hồn yếu đuối đứng lên, hướng những thanh niên đang bùng bùng sức sống làm những việc ích quốc lợi dân, đấu tranh cho một nước Việt Nam hòa bình dân chủ phú cường.

Người ta còn để quá nhiều thì giờ vào những việc không đáng làm, còn bàn cãi những điều không đáng bàn cãi, người ta còn để nhiều tâm sức vào việc tranh giành ảnh hưởng, phê phán, đả kích những người không đồng quan điểm với mình, nên đã không tập trung được toàn bộ sức lực và trí tuệ vào con đường cứu nước. Vấn đề cấp bách của chúng ta ngày nay là phải đoàn kết lại với nhau ở nước ngoài, thành lập được một mặt trận dân chủ đa nguyên, tìm cách hỗ trợ cho phong trào dân chủ trong nước. Nếu không dấy lên được phong trào dân chủ trong nước thì không thể nào làm thay đổi được cục diện chính trị Việt Nam. Một trong những lực lượng ta cần hết sức chú ý là những cán bộ và quân nhân trong lực lượng cán quân của nhà nước cộng sản Việt Nam hiện tại. Nếu những người này sớm giác ngộ và mạnh dạn đứng lên đấu tranh, kết hợp với những lực lượng dân chủ yêu nước khác ở trong nước và nước ngoài thì cách mạng Việt Nam sẽ đổi thịt thay da một cách nhẹ nhàng, ít đổ máu. Theo sự hiểu biết và qua cuộc tìm hiểu trong chuyến về thăm đất nước Việt Nam của tôi, tôi nghĩ rằng số người ngoan cố muốn giữ độc đảng độc quyền chống dân chủ đa nguyên trong hàng ngũ cán quân cộng sản chỉ chiếm một phần rất nhỏ. Nhưng cái nhóm nhỏ ù lì ngoan cố đó lại là những tên nắm giữ những vai trò trọng yếu trong bộ máy Đảng và Nhà Nước. Nhưng nếu một khi phong trào đấu tranh của nhân dân mạnh đến một mức độ nhất định kéo theo đa số những cán quân cộng sản thì cái nhóm nhỏ ù lì ngoan cố đó sẽ bị lật đổ.

Những người Việt Nam có tâm huyết, có lòng tự trọng trong hàng ngũ cán quân cộng sản đang trần trở suy nghĩ rất lung để tìm cách trở mình đứng dậy. Những người dân chủ Việt Nam cũng nên tự hỏi lòng mình đã làm tốt, làm giỏi hay chưa, để rút ngắn giai đoạn giải phóng cho đất nước ra khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu bi thảm cả về tinh thần và vật chất như hiện nay. Phải làm gì? Phải làm gì tốt hơn nữa để cứu nước? Tình trạng của Việt Nam thật đáng buồn, chúng ta không sợ gì chế độ độc tài chuyên chế, nhưng điều đáng buồn là chúng ta chưa đoàn kết lại được với nhau để hình thành một lực lượng dân chủ hùng mạnh, cả ở trong nước và ngoài nước, và chỉ trên cơ sở đó chúng ta mới mong đánh bật được bọn ù lì ngoan cố ra khỏi chính quyền để thành lập một chính thể mới bằng con đường bầu cử tự do. Phải làm gì? Phải làm gì? Đó là câu hỏi day dứt những trái tim Việt Nam yêu nước.

*"Có cái gì như dấu hỏi trong ta
Niềm trần trở tháng ngày cuộn sóng.
Trời cuối đông chân trời bùng tia nắng
Quét lá rụng mùa thu để đón nhận một mùa xuân."*

Nguyễn Anh Tuấn

Chính danh ?

Lê Văn Đảng

Trong bản tin số 2, tháng 3&4&5/1991 của Tổng Liên Hội Người Việt Hải Ngoại mà ông là chủ tịch, giáo sư Nguyễn Hải Bình đã viết một bài tham luận nhân bài "Nói Chuyện Với Bùi Tín" đăng trên Thông Luận số 36, tháng 3-1991. Giáo sư Nguyễn Hải Bình là một người quen biết với tôi. Ông Bình làm Khoa trưởng phân khoa Chính Trị và Kinh Thương của Đại Học Minh Đức khi tôi làm giáo sư tại đó. Chúng tôi cũng đã làm việc chung khi ông Bình giữ chức Phụ Tá Đặc Trách Thuế Vụ kiêm Tổng Giám Đốc Thuế Vụ tại Bộ Tài Chánh và tôi làm Cố Vấn Tổng Trưởng. Từ ngày lưu vong chúng tôi vẫn liên lạc với nhau qua thư từ và điện thoại. Lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau thảo luận cách đây không đầy một năm. Tôi nêu lên những điểm này chỉ có mục đích chứng tỏ rằng chúng tôi có tất cả mọi lý do để thảo luận một cách nghiêm chỉnh.

Bài "Vấn đề chính danh" của giáo sư Bình đưa ra ba nhận định. Trên cả ba vấn đề này, lập trường của ông Bình đều cần được phân tích lại.

Nhận định thứ nhất là về cá nhân ông Bùi Tín. Ông Bình trích ra một câu hỏi và một phần của câu trả lời như sau:

Thông Luận: *Điều gì khiến ông ràng buộc với chủ nghĩa xã hội?*

Bùi Tín: *Trong hai xu hướng lớn trên thế giới là tư bản và xã hội, tôi ràng buộc với chủ nghĩa xã hội vì tha thiết với công bằng xã hội, ...*

Quả thực tôi lấy làm tiếc và phiền lòng là ông Bình đã cắt lửng câu nói của ông Bùi Tín, vì ông Bùi Tín đã nói tiếp như sau:

... nhưng tôi không câu nệ danh từ. Chủ nghĩa xã hội mà tôi nói tới không giống những gì mà người ta đã thấy. Đó là mô thức còn đòi hỏi nhiều nghiên cứu và tìm tòi. Vấn đề của chúng ta là làm thế nào bảo đảm cùng một lúc tự do dân chủ, phát triển kinh tế và công bằng xã hội. Mục tiêu là như thế và mục tiêu mới là quan trọng, danh từ chỉ là thứ yếu.

Đây là một câu trả lời rõ ràng, minh bạch của ông Bùi Tín. Ông Tín đã khẳng định hai lần là ông không câu nệ một danh từ nào cả. Những nguyện vọng của ông Bùi Tín chắc chắn không khác với nguyện vọng của mọi người, kể cả ông Bình.

Tôi lấy làm tiếc, và rất tiếc, là ông Bình đã cắt ngang câu trả lời để kết luận rằng như vậy là ông Bùi Tín đã "xác nhận bản sắc cộng sản của mình". Tôi thành thực nghĩ rằng cách trích dẫn và phê phán như vậy thiếu nghiêm túc.

Điểm thứ nhì, ông Bình muốn đóng góp trực tiếp với Thông Luận về lập trường Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc. Ông Bình viết: "Hòa Giải Hòa Hợp tự nó không có một nghĩa xấu hay tiêu cực nào", nhưng lại cho rằng "lập trường Hòa Giải và Hòa Hợp trên thực tế đã trở thành một chiêu bài che dấu những ẩn ý tác hại cho nỗ lực mưu tìm tự do dân chủ thực sự". Thủ thực tôi không

hiểu ông Bình định nói gì. Và tôi rất thất vọng. Ở nơi một nhà trí thức từng có trách nhiệm phát triển khả năng suy luận của thanh niên ở cấp đại học, có lẽ người ta có quyền chờ đợi hơn thế nữa.

Người ta cần biết nếu Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc được mọi người chấp nhận như là một tinh thần chỉ đạo cho các nỗ lực mưu tìm tự do dân chủ thì ai sẽ có lợi gì và ai sẽ có hại gì, ai sẽ bối rối và ai sẽ có được phần ưu thắng. Và lại vấn đề thực sự căn bản đặt ra là đất nước ta sau hàng thập niên xung đột đẫm máu có thể động viên được mọi sinh lực để tiến lên hay không nếu không hòa giải được những người Việt Nam với nhau. Ông Bình chỉ viện dẫn "bài học lịch sử năm 1973 và Hiệp Định Paris để cộng sản Hà Nội lấy trọn miền Nam thân yêu của chúng ta" để rồi họ trở mặt trắng trợn sau đó.

Có rất nhiều điều không đúng trong lập luận sơ sài của ông Bình. Trước hết là chẳng có ai bị lường gạt vì cả tin vào Hòa Giải Hòa Hợp Dân Tộc. Miền Nam không muốn ký Hiệp Định Paris nhưng đã bị Hoa Kỳ bắt buộc phải ký chứ không hề mắc lừa cộng sản. Miền Bắc cũng không muốn ký nhưng bị ném bom dữ dội chịu không nổi nên cũng phải ký. Cụm từ Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc cũng không phải là của cộng sản đưa ra mà là kết quả của một cuộc tranh cãi gay gắt. Ông Bình không lẽ lại không biết điều đó? Vậy thì không có vấn đề lường gạt mà cũng không có vấn đề bị gạt. Miền Nam đã thua vì bị Hoa Kỳ bỏ rơi và vì chính quyền Nguyễn Văn Thiệu không được sự hỗ trợ của quần dân chứ không phải vì đã là nạn nhân của một chiêu bài nào cả. Cho tới ngày 30-4-1975, tôi chưa hề thấy ai trong số người chống cộng quan tâm rằng cộng sản lúc đó đang lợi dụng chiêu bài Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc cả. Đây chỉ là một lập luận được đưa ra sau này, đặc biệt là từ sau khi Thông Luận đề xướng ra lập trường Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc. Cho tới ngày miền Nam sụp đổ tôi cũng đã nhiều lần trao đổi với ông Bình về tình hình đất nước, tôi chưa hề bao giờ thấy ông Bình đặt vấn đề này ra.

Nhưng nếu cứ giả thủ rằng cộng sản đã lợi dụng được chiêu bài Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc (một điều không hề có) thì cũng không phải là lý do để gạt bỏ tinh thần Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc, cũng như cụm từ Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc. Cộng sản đã lợi dụng nhiều chiêu bài. Nào là Độc Lập, Tự Do, nào là Đoàn Kết, nào là Công Bằng Xã Hội, "chấm dứt nạn người bóc lột người"... Nếu phải từ bỏ tất cả những gì cộng sản đã dùng làm chiêu bài thì ngôn ngữ, ý niệm chính trị của chúng ta còn lại gì? Giật lùi trước những gì nhắc lại quá khứ đáng buồn là một thái độ thiếu tự tin. Tôi nghĩ khi chúng ta tranh đấu chính trị, không nên lấy tâm lý "kinh cung chi điều" làm tinh thần chỉ đạo.

Lập trường Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc đã được Nguyễn Gia Kiểng phân tích trong Thông Luận số 14, tháng 3-89. Tôi

không muốn lặp lại ở đây. Tôi chỉ muốn bỏ tức rằng nếu vấn đề Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc được mọi người chấp nhận là quốc sách thì một loạt câu hỏi sẽ đặt ra. Chẳng hạn:

- Có thể có Hòa Giải mà vẫn khư khư cho rằng trong cuộc nội chiến vừa qua cộng sản hoàn toàn có chính nghĩa và người chống cộng hoàn toàn không có chính nghĩa (như chúng tôi đã đặt cho Bùi Tín và Bùi Tín đã trả lời là "không")?

- Có thể có Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc mà vẫn có sự phân biệt giữa hai loại người Việt Nam, một loại (những người cộng sản) có tất cả mọi độc quyền và một loại (tất cả phần còn lại của dân tộc) chỉ có quyền phục tùng hay không? Nói một cách khác có thể có hòa giải và hòa hợp dân tộc dưới một chế độ độc đảng không?

- Muốn có Hòa Giải thì phải làm gì cho những người đã bị sát hại, bỏ tù, hạ nhục, chiếm đoạt tài sản và đày đi những vùng kinh tế mới?

- Nếu Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc là một quốc sách thì có thể nào trao việc thi hành quốc sách đó cho những người đã từng là thủ phạm của mọi đổ vỡ hay không?

- v.v...

Những câu hỏi đó chắc chắn không mấy may có lợi cho cộng sản và không "tác hại cho nỗ lực mưu tìm dân chủ tự do thực sự" như ông Bình quyết đoán, theo tôi, một cách quá vội vã.

Tôi cũng muốn đề cập tới một điểm khác. Một mặt ông Bình cho rằng "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc tự nó không có gì là xấu và tiêu cực", một mặt ông lại nói rằng "nếu chúng ta vẫn còn thiện chí đấu tranh xây dựng thì nên tránh nhắc đến lập trường cũng như thành ngữ Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc". Thế là nghĩa gì?

Tại sao nhắc đến một lập trường "tự nó không có gì xấu và tiêu cực" lại là không có thiện chí? Phải chăng theo ông Bình thì nhóm Thông Luận và những người ủng hộ Thông Luận toàn là những người thiếu thiện chí, là bọn phá hoại chẳng? Tôi nghĩ chúng ta nên lễ độ và lịch sự hơn trong cách phát biểu. Trong một cuộc trao đổi đúng đắn mọi người đều có quyền nói lên lập trường của mình. Ông Bình có toàn quyền coi lập trường Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc là sai nhưng coi những ai nói ra điều mình không nghe tới là thiếu thiện chí là một thái độ không nên có. Riêng chúng tôi cho rằng lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc không phải chỉ là "không có gì xấu và tiêu cực" mà còn tốt và rất tốt, tích cực và rất tích cực. Chúng tôi tin rằng rồi đây sẽ có lúc ông Bình đồng ý với chúng tôi.

Bài tham luận của ông Bình chấm dứt bằng một nhận định làm tôi sững sốt. Ông Bình trích dẫn một câu đối đáp:

Thông Luận: "Giả sử rằng trong tương lai có ba lực lượng: một lực lượng cộng sản giáo điều thủ cựu, một lực lượng gồm những người cộng sản muốn đổi mới về dân chủ đa nguyên như ông, và một lực lượng những người dân chủ tiến bộ thuộc quá khứ chống cộng. Nếu cả ba lực lượng đó đều không đủ đa số để nắm chính quyền thì những người như ông sẽ chọn thỏa hiệp với lực lượng nào?"

Bùi Tín: [...] tôi có thể nói rằng sẽ không có vấn đề chúng tôi thỏa hiệp với những thành phần cộng sản giáo điều. Chúng ta phải hướng về tương lai, sự kết hợp phải vượt lên trên mọi quá khứ chính trị. [...]

Mọi người đều hiểu là câu hỏi này chỉ có mục đích để cho ông Bùi Tín xác nhận ông là ai, ông và những người như ông nhìn

đảng cộng sản như thế nào, và ông Bùi Tín đã xác định sự đoạn tuyệt của ông với ban lãnh đạo đảng cộng sản. Tôi rất ngạc nhiên khi ông Bình coi câu hỏi đó là "một sự xếp loại các lực lượng chính trị của Thông Luận". Rồi ông Bình trách Thông Luận là không kể gì đến các tổ chức khác mà chỉ biết có mình, những người cộng sản ly khai và những người cộng sản thủ cựu. Tôi ngạc nhiên vô cùng và cũng thất vọng vô cùng, bởi vì ông Bình và tôi đã cùng giảng dạy với nhau trong một trường sử dụng tới đa phương pháp "case study" trong đó người ta tưởng tượng ra những trường hợp không có thực với mục đích đánh giá hoặc hướng dẫn lý luận của sinh viên.

Có cần phải nhắc lại lập trường của Thông Luận về kết hợp không? Có lẽ chúng tôi là những người duy nhất đã lập đi lập lại rằng chúng ta sẽ không thể qui về một mối mà chỉ có thể đạt tới một số tổ chức lớn, đại diện cho những khuynh hướng chính trị lớn, trái hẳn với những người có tham vọng thống hợp, thống nhất tất cả. Chúng tôi vẫn nghĩ rằng giữa những lực lượng lớn, sự đối thoại tương kính vẫn có thể có và sự hợp tác vẫn có thể có.

Một cách ngộ nghĩnh, ông Bình đặt tên bài tham luận của ông là "Vấn Đề Chính Danh". Có lẽ chúng tôi là những người không thể bị chất vấn về vấn đề chính danh. Chúng tôi là những người kết hợp lại với nhau để theo đuổi một lập trường chính trị với một thái độ khiêm tốn. Chúng tôi chưa bao giờ tự gán cho mình một danh nghĩa đại diện nào cả. Chúng tôi có một tờ báo, tờ Thông Luận, và người ta gọi chúng tôi là nhóm Thông Luận. Thế là đủ. Chúng tôi không xưng là "Mặt Trận Thống Nhất Toàn Dân...", "Tông Cộng Đồng...". Vấn đề chính danh có lẽ ông Bình nên đặt ra với những người khác. Ngoài ra ông Bình cũng đặt vấn đề chính danh với ông Bùi Tín để cố nhìn xem ông Bùi Tín đã trở thành người quốc gia hay vẫn là cộng sản. Tôi cũng đã từng thấy nhiều người nhất định phải dán cho bằng được một nhãn hiệu lên người khác, cần phải nhận định rõ "ta địch" thì mới yên tâm. Họ cho như thế là sáng sủa, là giữ vững chính nghĩa, là kiên định lập trường, là quyết tâm v.v... Tôi thì nghĩ đó là dấu hiệu của sự giản đơn và thiếu tự tin.

Tôi cũng lấy làm buồn khi cứ gặp lại quá nhiều lần trong một bài báo ngắn như bài của ông Bình những cáo buộc vu vơ như "che dấu những ẩn ý, làm quan tấu, tranh tối tranh sáng, chia rẽ...", "toan tính cơ hội chủ nghĩa". Tôi không biết ông Bình muốn ám chỉ ai, nhưng một cuộc trao đổi đúng đắn không thể chứa đựng những từ ngữ như thế.

Tôi không tin là ông Bình đã nghĩ giống hệt như những điều ông đã viết. Ông đã viết ra những lập luận mà ông cho là có thể lập luận và có thể được một quần chúng nào đó chia sẻ. Cho nên tôi mạn phép kết luận bài trao đổi này bằng một nhận xét.

Nhận xét đó như thế này:

Trước mọi sự kiện đều có thể có hai thái độ, thái độ thân thiện và thái độ qui trách. Với thái độ thân thiện người ta cố gắng tìm hiểu người trước mặt, với thái độ qui trách người ta dùng kính lúp để cố tìm ra những gì có thể bắt bẻ được. Tôi nghĩ rằng giữa những người cùng thực sự hướng tới dân chủ, dù thuộc quá khứ khác nhau hay dù nhận định khác nhau, thái độ thiện cảm vẫn hơn.

Giữa hai thái độ thiện cảm và không thân thiện vẫn còn một thái độ nữa là thái độ khách quan. Theo tôi đó là thái độ tối thiểu của người trí thức.

Lê Văn Đăng

Diễn Đàn Dân Chủ Đa Nguyên II

Tiếp nối Hội Luận Dân Chủ Đa Nguyên I tại Paris ngày 27-10-1990, năm tổ chức: Độc Lập, Thông Luận, Diễn Đàn Mới, Lực Lượng Thanh Niên Việt Nam Tự Do Âu Châu và Tổ Chức Nhân Quyền đã phối hợp tổ chức Diễn Đàn Dân Chủ Đa Nguyên II tại Hannover (Đức) trong hai ngày 22 và 23-6-1991. Lần này Tổ Chức Nhân Quyền Việt Nam, trụ sở đặt tại Hannover, đã giữ vai trò chính. Giờ chốt ban tổ chức được sự tiếp tay của Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam và Đảng Xã Hội Dân Chủ Việt Nam.

60 người, thuộc 15 đoàn thể, đã đến dự. Cũng như tại Paris, số người tham dự đông đảo hơn số người dự định (ban tổ chức mới đầu chỉ dự trù 40 người) và các trao đổi đã diễn ra trong bầu không khí thân mật, thẳng thắn và trang nhã. Nhưng Diễn Đàn Dân Chủ Đa Nguyên II có những điểm riêng và mới của nó.

Điểm mới đầu tiên là ngoài những cá nhân, đã có đại diện chính thức của nhiều hội đoàn.

Điểm mới thứ hai, và khác hẳn Hội Luận Dân Chủ Đa Nguyên I, là lần này ban tổ chức đã dàn xếp để các tham dự viên không những chỉ gặp nhau mà còn sống chung với nhau trong một cuối tuần. Sự sống chung đó đã là cơ hội lý tưởng cho những trao đổi riêng và những trao đổi riêng này quan trọng không kém những buổi thảo luận chính thức. Các anh em thuộc Tổ Chức Nhân Quyền đã chiếm được cảm tình của mọi người vì kỹ thuật tổ chức cao của họ: chu đáo, thân mật, nghiêm túc. Nhờ cố gắng và sự khéo léo của anh em trong Tổ Chức Nhân Quyền mà không hề có một chi tiết đáng tiếc nào xảy ra. Diễn Đàn Dân Chủ Đa Nguyên II đã nghiêm chỉnh như một phòng thí nghiệm tư tưởng và đã vui vẻ như một tiếng cười.

Nhưng điểm nổi bật nhất chắc chắn là sự tham gia mới của các anh em từ Đông Âu tới. Họ đã tới một mình hoặc tới trong phái đoàn của Đảng Xã Hội Dân Chủ và nhóm chủ trương báo Cảnh Ẽn. Đây là lần đầu tiên tại hải ngoại mà một cuộc hội thảo chính trị qui tụ cả những con người xuất phát từ hai chế độ trước ngày 30-4-1975, từ hai xã hội miền Nam và miền Bắc mà không ai có cảm tưởng mình là "khách đến chơi nhà". Các anh em từ Đông Âu đến đã phát biểu một cách thẳng thắn và sôi nổi. Họ đã đóng góp ba trong số bảy thuyết trình dài nhất, đã chủ tọa hai trong ba buổi họp, đã tham dự sôi nổi vào các cuộc trao đổi. Phải nghe những điều họ nói, những cung cách sinh hoạt của họ mới ý thức được sự thất bại thể thảm của đảng cộng sản. Những nhỗi sọ, giáo điều của đảng cộng sản đã không có ảnh hưởng gì trên họ cả. Họ suy nghĩ và phát biểu như tất cả mọi người Việt Nam khác. Có khác chăng là do họ xát thương xuyên với chế độ cộng sản, do kinh nghiệm chịu đựng ách độc tài nên họ hăng say hơn và quyết tâm hơn nhiều người chỉ sống ít hay chưa sống dưới chế độ độc tài cộng sản.

Nếu cần tóm tắt nội dung của Diễn Đàn Dân Chủ Đa Nguyên II, ta có thể nói là các bài thuyết trình và tham luận cũng như những trao đổi đã xoay quanh những đề tài: nhận diện rõ hơn nội dung của Dân Chủ Đa Nguyên, phương thức đấu tranh cho Dân Chủ Đa Nguyên, Dân Chủ Đa Nguyên trong bối cảnh Việt Nam và chúng ta phải làm gì.

Về nhận diện Dân Chủ Đa Nguyên, ông Nguyễn Gia Kiểng phân tích tinh thần và nội dung cụ thể của một thể chế dân chủ đa nguyên. Ông Lâm Đăng Châu đặc biệt chú trọng công bằng

xã hội như là một nhân tố không thể thiếu của dân chủ đa nguyên. Ông Phan Phúc Vinh nhấn mạnh về những nhận thức căn bản phải có như là cơ sở văn hóa bắt buộc để có thể có dân chủ đa nguyên thực sự và lành mạnh.

Phương thức đấu tranh cho Dân Chủ Đa Nguyên đã được các ông Âu Dương Thệ, Nguyễn Đức Giang, Nguyễn Nguyễn Thanh, Nguyễn Kim Sơn, Vũ Đình Hải, Phan Vinh mở xẻ về mặt lý luận. Tất cả đều đồng ý là thắng lợi của dân chủ đa nguyên sẽ đều thông qua bầu cử tự do. Tất cả đều đồng ý là đấu tranh bất bạo động là con đường ngắn nhất và tốt đẹp nhất. Nhưng ông Vũ Đình Hải cảnh giác mọi người rằng bạo động là vũ khí chính đáng để chống lại một chế độ bạo ngược và thái độ bất bạo động kiểu người ngoài cuộc hay kiểu trí thức là điều nên tránh. Ông Nguyễn Kim Sơn thì cho rằng bất bạo động là một thái độ vừa dửng dưng vừa khôn ngoan trong bối cảnh hiện nay. Ông Phan Phúc Vinh đặt câu hỏi nếu muốn dùng bạo lực thì ta có phương tiện hay không. Cũng đồng ý với các diễn giả đã nói trước nhưng các ông Lê Tiến Cương và Tô Vĩnh Hòa lại đặc biệt chú ý tới sự cải tiến phong cách sinh hoạt giữa những người tranh đấu chống độc tài. Lấy kinh nghiệm của chính cá nhân mình, hai ông cho hay đã từng bị chụp mũ là cộng sản mặc dù họ chưa bao giờ có một cảm tình nào với đảng cộng sản và cũng chưa hề tiếp tay cho cộng sản. Họ đã chỉ không tán thành hành động của một số tổ chức không đứng đắn và họ bị chụp mũ. Lành mạnh hóa phong cách cư xử với nhau là bước đầu phải có của đa nguyên.

Về bối cảnh Việt Nam, ông Tôn Thất Long đã duyệt lại những cố gắng đấu tranh cho dân chủ tại Việt Nam, kết thúc bằng sự bội phản của đảng cộng sản để đi đến kết luận là đã có quá nhiều đổ vỡ cần phải hàn gắn, do đó Hòa Giải Dân Tộc là điều không thể thiếu. Ông Hoàng Hữu Tiến, tiến sĩ tin học, nguyên Trưởng phòng Nghiên cứu Viện Tin Học Hà Nội, giáo sư Đại Học Bách Khoa và Đại Học Quân Sự Hà Nội, nêu lên chính sách phân dân chủ và phân biệt đối xử của đảng cộng sản. Ông Vũ Ngọc Yên nhấn mạnh đến sự cần thiết của các chính đảng nếu Việt Nam muốn tiến tới dân chủ đa nguyên. Ông Lê Quang Thông tỏ ra bị quan trước sự ngoan cố lì lợm của đảng cộng sản và sự mệt mỏi của quần chúng. Ông Đỗ Ngọc, chủ bút báo Cảnh Ẽn, một trí thức xuất thân từ lò xã hội chủ nghĩa thì lại lạc quan cho rằng đảng cộng sản Việt Nam đã bối rối, hốt hoảng trước bóng ma Dân Chủ Đa Nguyên đang ám ảnh. Ông Đỗ Ngọc đặt nặng vai trò của trí thức.

Sau cùng là làm gì? Các ông Vũ Trọng Cảnh và Nguyễn Minh Pháp cho rằng điều quan trọng đầu tiên là phải tạo điều kiện tốt cho dân chủ đa nguyên để phát triển tinh thần và sinh hoạt dân chủ đa nguyên trong quần chúng. Ông Trần Huệ (Tổ Chức Việt Nam Tự Do) phát biểu sôi nổi, nói rằng nếu chúng ta muốn tiến tới mục tiêu dân chủ đa nguyên thì điều cần thiết là phải vượt lên trên những tệ hiềm để kết hợp hành động với nhau.

Kết hợp hành động, đấu tranh bất bạo động là hai đề tài được nhiều người chú ý nhất trong các cuộc trao đổi. Mọi người đều thấy là kết hợp là điều cần thiết và hầu như không ai phủ nhận là chúng ta không thể có con đường đấu tranh nào khác hơn là bất bạo động. Đó là đồng thuận lớn nhất mà người ta có thể nhận thấy trong Diễn Đàn Dân Chủ Đa Nguyên II.

Trong lời kết thúc, tiến sĩ Âu Dương Thệ có tiết lộ rằng ông không ngờ là có sự đồng bộ trong các bài thuyết trình và đóng góp vì trước khi khai mạc ban tổ chức không hề biết các diễn giả sẽ nói những gì. Có lẽ vì ngày nay người Việt Nam đã đạt tới đồng thuận về hướng đi phải có.

Lê Anh Dũng

Đại Hội VII của Đảng Cộng Sản Việt Nam bế mạc

Đại Hội VII Đảng Cộng Sản Việt Nam đã kết thúc sau bốn ngày họp chính thức từ 24 đến 27-6-1991. Trước đó, một tiền đại hội không chính thức nhưng quyết định tất cả đã họp suốt một tuần lễ.

Trong số 14 ủy viên Bộ Chính Trị khóa VI, ông Phạm Hùng đã chết và ông Trần Xuân Bách đã bị lột mọi chức tước từ hơn một năm nay. Bảy người khác là các ông Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công, Mai Chí Thọ, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Cơ Thạch, Đồng Sĩ Nguyên, Nguyễn Đức Tâm cũng rời cả Bộ Chính Trị lẫn Trung Ương Đảng. Trường hợp của cựu Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh có hơi đặc biệt. Ông Linh được chức cố vấn vì địa vị "cựu số 1" hơn là vì thế lực. Ông ra đi vì không thực hiện được chính sách đổi mới được công bố cách đây 5 năm và cũng vì thấy không thành công trong chính sách xiết lại từ hơn hai năm qua.

146 người đã được bầu vào Ban Chấp Hành Trung Ương, 13 người vào Bộ Chính Trị và 9 người vào Ban Bí Thư.

Trong số 146 người được bầu vào Ban Chấp Hành Trung Ương có 42 người chưa từng là ủy viên hay ủy viên dự khuyết. Trong số 13 người của Bộ Chính Trị có 8 người mới và 5 người đã là ủy viên Bộ Chính Trị khóa trước. Ban Bí Thư có 5 người mới và 4 người là cựu bí thư.

Hiện chưa có thống kê về tuổi tác của các ủy viên Trung Ương Đảng mới, nhưng vì chỉ có 1/3 ủy viên mới nên có thể ước đoán là tuổi trung bình của ban chấp hành mới không thấp hơn tuổi trung bình của ban chấp hành cũ, nghĩa là 56 tuổi.

Trong số những cấp lãnh đạo cũ (124 ủy viên chính thức và 49 ủy viên dự khuyết) có 69 người không còn trong ban chấp hành mới. Một số nhỏ đã qua đời như các ông Phạm Hùng, Lê Ngọc Hiền. Một số lớn hơn về hưu vì tuổi già như Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Hoàng Cầm, Đồng Sĩ Nguyên, Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công. Còn lại là những người bị loại khỏi ban chấp hành.

Có thể nói toàn bộ phe Lê Đức Thọ đã bị loại. Khi ông Thọ còn sống và nắm hầu hết mọi quyền lực, các thân tín của ông được cất đặt nhiều nhất vào an ninh, quốc phòng, ngoại giao. Từ hai năm nay, phe ông Lê Đức Thọ, do em ruột ông là Mai Chí Thọ cầm đầu, đã không ngừng yếu đi. Tháng 4-1990, ông Trần Xuân Bách, một người thân tín bậc nhất của ông Thọ và là một trong số bốn người có chân trong cả Bộ Chính Trị lẫn Ban Bí Thư, đã bị cách mọi chức tước. Từ đó phe Lê Đức Thọ bắt đầu tiến trình đào thải nhanh chóng. Có lẽ người đóng góp nhiều nhất vào tiến trình này là đại tướng Lê Đức Anh. Ông Lê Đức Anh cùng với các ông Mai Chí Thọ, Nguyễn Đức Tâm và một phần nào đó Nguyễn Cơ Thạch được coi là rường cột của phe Lê Đức Thọ. Khi phe Lê Đức Thọ bị nhiều người chống đối và bị Lê Đức Anh bỏ rơi thì họ yếu hẳn.

Ngành bị xáo trộn nhiều nhất là công an. Cả ông Mai Chí Thọ Bộ trưởng Nội Vụ lẫn bốn Thứ trưởng Nội Vụ Cao Đăng Chiếm, Trần Đông, Nguyễn Văn Đức, Trần Quyết đều mất ghế tại Trung Ương Đảng.

Kế tiếp là ngành ngoại giao. Bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch, hai Thứ trưởng Đinh Nho Liêm và Hoàng Bích Sơn đều ra khỏi Trung Ương Đảng, hai Thứ trưởng Lê Mai và Võ Đông Giang cũng vắng mặt trong ban chấp hành mới. Cũng trong ngành ngoại giao, toàn bộ những nhân vật phụ trách về người Việt ở nước ngoài bị thay thế. Ngoài Thứ trưởng Ngoại giao Hoàng Bích Sơn, Trưởng ban Việt Kiều Trung Ương, các ông Nguyễn Hòa, Đặng Thi đều bị loại khỏi Trung Ương Đảng, chỉ còn lại một mình Đỗ Chính. Việc ông Đinh Nho Liêm, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại Giao và cựu đại sứ tại Liên Xô bị loại khỏi Trung Ương Đảng cũng nói lên sự căng thẳng trong liên hệ Việt-Xô.

Người ta cũng có thể nhận xét là nhiều bí thư, tỉnh ủy các tỉnh biên giới hay cửa khẩu bị thay thế. Đó là trường hợp của các ông Phạm Đình Dy (Hà Tuyên), Hà Thiết Hùng (Hoàng Liên Sơn), Nguyễn Thế Hữu (Đồng Tháp), Nguyễn Xuân Hữu (Phú Khánh), Dương Tường (Cao Bằng), La Thăng (Lạng Sơn), Lâm Văn Thế (Kiên Giang), Đoàn Thanh Vy (Minh Hải). Cũng nên lưu ý sự cách chức ông Phan Xuân Dọt, Bộ trưởng Lâm Nghiệp, người đã cho phá rừng thả của.

Sau cùng không biết có phải là tình cờ hay không nhưng những nhân vật phát biểu nhiều nhất trong hơn một năm qua như Lê Xuân Lưu, Hoàng Minh Thảo, Đặng Vũ Hiệp, Hà Xuân Trường v.v... đều không có tên trong Ban Chấp Hành Trung Ương.

Các nhân vật lãnh đạo mới trong Bộ Chính Trị đều giống nhau ở điểm họ có trình độ văn hóa thấp và thiếu kinh nghiệm quốc tế.

Các ông Đỗ Mười và Lê Đức Anh tuy ở địa vị cao nhất nhưng không phải là những nhân vật xuất sắc. Họ ở địa vị đó vì không có khuynh hướng nào đủ mạnh để áp đặt đường lối và nhân sự của mình.

Ba nhân vật được thăng tiến mau chóng là các ông Lê Phước Thọ, Nông Đức Mạnh và Bùi Thiện Ngộ. Ông Lê Phước Thọ, trước đây là Bí thư Trung Ương Đảng, nay trở thành một trong bốn người quyền lực nhất vừa trong Bộ Chính Trị vừa trong Ban Bí Thư. Ông Nông Đức Mạnh nhảy vọt từ một ủy viên dự khuyết Trung Ương Đảng vào hạng thứ 10 trong Bộ Chính Trị. Địa vị quan trọng mới của ông Nông Đức Mạnh có thể là chỉ dấu cho thấy chính quyền cộng sản lo ngại nhiều về sự bành trướng của phong trào buôn lậu qua biên giới Trung Quốc và tình trạng hỗn loạn tại miền cực bắc nước ta. Ông Mạnh là người thuộc sắc tộc Tày. Sắc tộc Tày có trình độ tiến hóa cao nhất, nói tiếng Trung Hoa rành hơn tiếng Việt và rất quyết tâm. Ông Mạnh sẽ có nhiệm vụ của một Bình Bắc tướng quân. Trước đây ông chỉ là Phó Chủ tịch Ủy Ban Sắc Tộc tại quốc hội. Ông Bùi Thiện Ngộ hiện là Tổng cục trưởng Tình Báo và chắc sẽ thay ông Mai Chí Thọ ở chức vụ Bộ trưởng Nội Vụ. Người ta cũng có thể lưu ý sự thăng tiến của ông Vũ Oanh, từ địa vị số 9 Ban Bí Thư trở thành nhân vật thứ 6 Bộ Chính Trị.

Ông Đào Duy Tùng từ đây trở thành rất quan trọng. Ở địa vị thứ tư trong Bộ Chính Trị và thứ ba trong Ban Bí Thư, ông có thể còn quan trọng hơn cả ông Võ Văn Kiệt. Nếu kể cả đến sự kiện hai ông Đỗ Mười và Lê Đức Anh đều đã cao tuổi và vốn ít sáng kiến, ông Tùng phải được xem là người cầm vận mệnh đảng.

Ngoài ba ông Phạm Thế Duyệt, Phan Văn Khải và Võ Trần Chí mà việc bổ nhiệm vào Bộ Chính Trị không bất ngờ lắm, sự kiện ông Nguyễn Đức Bình, Giám đốc trường đảng Nguyễn Ái Quốc được vào Bộ Chính Trị cũng có thể cho phép người ta suy luận rằng ban lãnh đạo mới thấy cần phải giữ vững đường lối Mác-Lê-

TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC...

nin.

Trong số những nhân vật lớn bị loại khỏi Trung Ương Đảng, dư luận quốc tế lưu ý nhiều nhất đến Ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch. Ông Thạch cho tới hai tuần trước Đại Hội VII vẫn còn chưa biết số phận ông sẽ ra sao, ông có thể ở lại Bộ Chính Trị và trở thành Thủ Tướng và ông cũng có thể bị loại khỏi đảng. Cuối cùng ông đã bị sa thải. Ông Thạch bị loại cùng một lượt với phe Lê Đức Thọ. Ông là một người thủ cựu mặc dầu bề ngoài có vẻ là cởi mở. Ông Thạch ở trong phe Lê Đức Thọ và đã dùng Trần Xuân Bách làm cố vấn ngoại giao sau khi ông Bách bị khai trừ. Sự kiện này đã khiến ông bị chỉ trích nhiều và cuối cùng đã bị đào thải cùng với phe Lê Đức Thọ.

Đại tướng Mai Chí Thọ là em ruột Lê Đức Thọ, có tiếng là người thủ cựu nhưng trong thực tế ông là người biết nghe người khác, biết đổi thoại và khá sáng suốt. Khi Trần Xuân Bách bị cách chức vì chấp nhận đa nguyên, đa đảng, Mai Chí Thọ đã là người tận tình bảo vệ ông.

Người đặt ra nhiều vấn đề nội bộ nhất khi ra khỏi đảng là Nguyễn Đức Tâm. Với cương vị Trưởng ban Tổ chức, ông Tâm đã đặt đề nhiều tình ủy và lãnh đạo các cơ sở của đảng, việc loại trừ ông tạo ra những rạn nứt lớn.

Nhân vật vừa bị loại không đáng hưởng một sự nể nang nào là Nguyễn Thanh Bình. Ít học, giáo điều, hống hách, ông Bình đã đóng góp rất nhiều vào việc làm cho phe Lê Đức Thọ bị ghét và bị loại.

Boris Yeltsin: một Nga hoàng đầu tiên được dân bầu

Ngày 12-6-1991, Boris Yeltsin đã đắc cử Tổng Thống Cộng Hòa Nga, trong một cuộc bầu cử trực tiếp, với đa số 60% ngay vòng đầu. Tổng Thống Yeltsin đã bỏ xa năm ứng cử viên khác, trong số đó có bốn ứng cử viên là đảng viên đảng cộng sản Liên Xô, và một ứng cử viên được xem như là cực hữu.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử xứ Nga, một vị nguyên thủ quốc gia được bầu trực tiếp bằng phổ thông đầu phiếu. Với 60% số phiếu ngay vòng đầu, Yeltsin, trước hết, đã qua mặt Gorbachev, Tổng Thống Liên Bang Xô Viết với một cuộc bầu cử gián tiếp. Về mặt chính thống, Yeltsin đứng trên Gorbachev một bậc. Cộng Hòa Nga, với 150 triệu dân trên một tổng số 280 triệu dân Liên Xô (51%) và 3/4 diện tích, chiếm hầu hết các tài nguyên thiên nhiên cũng như kỹ nghệ: 91% dầu, 76% khí đốt, 70% than, 53% thép và 85% kỹ nghệ quân sự. Các dữ kiện trên cho phép Tổng Thống Yeltsin có nhiều ưu thế trên trường chính trị nội bộ cũng như quốc tế. Một tuần lễ sau khi đắc cử, Tổng Thống Yeltsin đã được Tổng Thống G. Bush chính thức mời thăm viếng Hoa Kỳ.

Cuộc thắng của Yeltsin cùng với cuộc thắng cử của hai đồng minh, Gavriil Popov và Anatoly Sobchak, vào chức vụ thị trưởng thành phố Moskva và Leningrad, phe dân chủ đã chứng tỏ đó là trào lưu tiến bộ được sự ủng hộ của đại đa số nhân dân Nga nói riêng và Liên Bang Xô Viết nói chung. Kết quả của cuộc thăm dò dư luận đổi tên thành phố Leningrad trở lại tên cũ St-Petersburg đã nói lên sự cương quyết của nhân dân thành phố này là từ bỏ quá khứ cộng sản cùng những di tích trọng đại của phong trào cộng sản và lịch sử Liên Xô. Leningrad vốn là thành phố mà

Lenin đã phát động cuộc Cách Mạng Tháng Mười. Leningrad cũng là thành phố mà hàng triệu dân Nga đã bỏ mình trong cuộc kháng chiến chống lại chiến dịch bao vây của quân đội quốc xã Đức trong thế chiến hai.

Cựu Thủ Tướng Ryjkov, nổi tiếng bảo thủ, với thói quen không bỏ được của một đảng viên cộng sản gọi mọi người bằng đồng chí, đã thất bại thảm hại. Trong các cuộc tranh cử cộng đồng, Ryjkov không ý thức được sự lỗ bịch khi gọi các cử tri là đồng chí. Ryjkov về sau ứng cử viên Vladimir Jirinovski, một người khuynh hữu và mị dân. Jirinovski đã hứa nhăng hứa cuội và đã được xem như là một Tyminski Nga (Tyminski là ứng cử viên mị dân đã qua mặt cựu Thủ Tướng Mazowiecki trong cuộc bầu cử tại Ba Lan vào tháng 11 năm ngoái). Điều đó một lần nữa chứng tỏ sự tuyệt vọng của nhân dân sống dưới chế độ cộng sản và họ sẵn sàng đặt lòng tin vào bất cứ một hy vọng nào dầu là hảo huyền để thoát ly hiện tại.

Sự thành công của Yeltsin cho phép thành hình một tổ chức chặt chẽ hơn trong giới chính trị cấp tiến tại Liên Xô. Nó cho phép các đảng viên cộng sản và các nhà lãnh đạo cộng sản cấp tiến như Shevardnadze, Iakovlev và Phó Tổng Thống Routskoï, v.v... sẽ có thái độ can đảm hơn bằng cách ly khai đảng cộng sản để thành lập liên minh các lực lượng dân chủ.

Một điều ngạc nhiên có vẻ mâu thuẫn là sự thành công của Yeltsin sẽ giúp rất nhiều cho Gorbachev trên phương diện chính trị nội bộ. Trước hết, nó chứng tỏ là con đường Perestroika mà Gorbachev chủ trương đi đúng nguyện vọng của nhân dân. Sau đó, nó cho phép Gorbachev có lý do dồn nhóm bảo thủ vào chân tường trước chọn lựa hoặc Gorbachev, hoặc Yeltsin. Với Gorbachev, những người bảo thủ còn hy vọng đóng một vai trò nào đó. Với Yeltsin, họ sẽ không có một vai trò nào cả.

Nam Tư: Cuộc trả đũa của những quốc gia?

Alain Minc trong cuốn "La Revanche Des Nations" tiên đoán rằng cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21 là những thập niên mà tinh thần quốc gia sẽ thức tỉnh cao độ và sẽ đưa thế giới, nhất là Châu Âu, vào những khủng hoảng không lường trước được. Lời tiên tri của nhà trí thức trẻ này của Pháp đã được thể hiện trong tình trạng bên bờ vực thảm chiến tranh của Nam Tư.

Liên Bang Nam Tư rộng khoảng 250.000 km² với dân số 22 triệu, có 6 nước Cộng Hòa và 5 ngôn ngữ. Nam Tư là một quốc gia hợp chủng, trong đó hai dân tộc Croat (4 triệu), Sloven (2 triệu) đa số theo đạo Công giáo và dân tộc Serb (5 triệu) luôn luôn có những tranh chấp ngầm ngấm. Dưới chế độ XHCN "tự quản tự trị" của thống chế Tito, một chế độ cộng sản có ít nhiều tính chất độc lập với cộng sản chính thống Liên Xô, Liên Bang Nam Tư đã có một đời sống chính trị khá ổn định và một nền kinh tế khá phát triển (hiển nhiên là so sánh với tiêu chuẩn các nước cộng sản Đông Âu khác). Nhưng từ ngày Tito mất và nhất là sau những biến cố phá sản của các nước cộng sản Đông Âu, các tranh chấp giữa các dân tộc Nam Tư bắt đầu bùng nổ. Các đòi hỏi tự trị của các cộng hòa lần lượt được phát động.

Hai cuộc trưng cầu dân ý đã được tổ chức vào tháng 12-1990 tại Cộng Hòa Slovenia và tháng 4-1991 tại Croatia với kết quả là hai cộng hòa này sẽ tuyên bố độc lập và chủ quyền trở lại vào ngày 26-6-1991.

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Ngày 25-6-1991, 24 tiếng đồng hồ trước giờ đã định, hai cộng hòa này long trọng tuyên bố độc lập. Quốc hội Liên Bang Nam Tư tại thủ đô Beograd yêu cầu chính phủ liên bang ngăn chặn sự xé nát Liên Bang Nam Tư và những thay đổi biên giới. Ngay đêm 25 rạng ngày 26, chính phủ liên bang bác bỏ những đòi hỏi tự trị của Cộng Hòa Slovenia và Croatia và tuyên bố cảnh sát và quân đội Nam Tư phải kiểm soát các biên giới của Liên Bang.

Những ngày sau đó, xe thiết giáp và máy bay Liên Bang bắt đầu những chiến dịch đàn áp. Quân đội hai cộng hòa ly khai, tuy yếu hơn, đã trả đũa kịch liệt. Máu đã đổ và cảnh tượng tàn cốt nhục bắt đầu.

Các cường quốc và các tổ chức quốc tế đã can thiệp một cách nhanh chóng để cho cuộc tranh chấp này không trở thành một cuộc chiến tranh thật sự. Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu (CEE) cũng như Hội Nghị An Ninh và Hợp Tác Châu Âu (CSCE) đã gửi sứ giả cũng như đề ra những biện pháp hòa giải.

Cuộc tranh chấp chưa ngã ngũ. Về phía các phe tranh chấp Nam Tư, những nhượng bộ chỉ có tính chất giai đoạn và chiến thuật. Các cường quốc tây phương thì chưa có thái độ rõ ràng. Họ đang ở trong thế tiến thoái lưỡng nan. Một mặt thì vẫn muốn giữ vững cao ngọan cờ "quyền tự quyết của các dân tộc" mà họ vẫn đề cao từ xưa đến nay. Mặt khác, quyền tự quyết ấy có đáng để gây một cuộc chiến tranh tại Nam Tư chăng? Chỉ có Liên Xô là im hơi lặng tiếng. Các khó khăn kinh tế và chính trị nội bộ cũng như các đòi hỏi tự trị của các cộng hòa trong chính Liên Bang Xô Viết đã làm cho chính quyền Liên Xô chọn lựa đường lối "chờ và xem" trước biến cố này.

Algeria: khủng hoảng khi tôn giáo làm chính trị

Mặt Trận Hồi Giáo Algeria (FIS) đã kêu gọi một cuộc tổng đình công vô giới hạn ngày 25-5-1991 với mục đích đòi hỏi một cuộc bầu cử tổng thống trước kỳ hạn và bãi bỏ luật bầu cử. Luật bầu cử này qui định cách thức bầu cử theo đa số độc danh (uninominal) và hai vòng, đã được quốc hội Algeria biểu quyết ngày 1-4-1991. Tổng Thống Chadli tuyên bố vào ngày 4-4-1991 sẽ có tổ chức cuộc bầu cử quốc hội trước kỳ hạn, tức vào ngày 27-6-1991 cho vòng đầu và ngày 18-7 cho vòng hai.

Lý do mà các nhà lãnh đạo của FIS, Abassi và Benhadji, đưa ra để biện minh cho việc phát động cuộc tổng đình công là chính quyền và Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia (đảng FLN) đã có những chính sách chính trị gian lận đối với FIS. Đảng FLN đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp vào những thập niên 50-60 và liên tục nắm chính quyền từ ngày có độc lập với các Tổng Thống Ben Bella vào năm 1963, Boumediene 1965 và hiện nay, Chadli đang nắm quyền trong nhiệm kỳ Tổng Thống lần thứ ba (mỗi nhiệm kỳ là 5 năm). Một trong những biện pháp gian lận mà FIS đưa ra là các hội đồng quận mà đảng FIS đã kiểm soát trong cuộc bầu cử vào tháng 6-1990 (FIS thắng với 54%, FLN 28%) đã bị Tổng Thống Chadli rút hết các quyền hành quan trọng.

Ngược lại chính quyền tố cáo FIS muốn dùng áp lực quần chúng để Tổng Thống Chadli rút lui hoặc ít ra làm trì hoãn tổ chức cuộc bầu cử quốc hội sắp tới. Họ cho rằng với kết quả không lấy gì làm khích lệ trong việc quản trị các hội đồng địa phương mà

FIS đã nắm giữ từ năm ngoái, các đảng viên "râu xồm" sẽ bị đánh bại trong cuộc bầu cử này.

Thật ra không phe nào có lý cả và những xung đột đẫm máu xảy ra là một cơ hội cho quân đội lên nắm quyền lãnh đạo quốc gia.

Đảng FLN nắm quyền từ gần 30 năm nay, với những tài nguyên sẵn có của đất nước (dầu, khí đốt, v.v...), thời gian này lẽ ra đã quá đủ để phát triển quốc gia và đưa Algeria lên hàng cường quốc, ít ra là trong khối Ả Rập hoặc Bắc Phi. Nhưng với những đường lối xã hội cực tả, nếu không muốn nói là cộng sản, các nhà lãnh đạo FLN, nhất là Boumediene, đã đưa đất nước vào ngõ cụt.

Các nhà lãnh đạo FIS, với tham vọng một đảng chính trị tôn giáo cực đoan, muốn trở thành những Khomeiny của Algeria. Nhất là sau những thất bại của Iran và Iraq trước sức mạnh của Tây phương, họ muốn đoạt chính quyền bằng bất cứ giá nào tại Algeria để dùng làm bàn đạp tiến lên lãnh đạo khối Hồi Giáo Ả Rập.

Khi đất nước chỉ có những lãnh đạo bất tài hoặc cực đoan thì quần chúng sẽ bị đưa vào những ma nọp chính trị vô lương và đất nước sẽ đi vào con đường khủng hoảng triền miên. Đó là số phận chung của những nước của thế giới thứ ba, trong số đó phải kể đến Việt nam.

Ngoại trưởng Nhật thăm Việt Nam

Ngoại trưởng Nhật Taro Nakayama đã đến Hà Nội ngày 10-06-91 trong một cuộc viếng thăm chính thức năm ngày. Đây là lần đầu tiên một ngoại trưởng Nhật đến Việt Nam kể từ 1975. Hà Nội và Tokyo đã thiết lập quan hệ ngoại giao từ năm 1973.

Theo chính phủ Nhật, chuyến viếng thăm nhằm phát triển những viện trợ về văn hóa, khoa học và kỹ thuật cho Việt Nam.

Nhật cũng đang đóng một vai trò quan trọng trong việc giải quyết vấn đề Kampuchea. Việc thành lập Hội Đồng Dân Tộc Tối Cao Kampuchea SNC là một sáng kiến của Nhật. Trong chuyến viếng thăm kỳ này, ông Nakayama đã bay vào Sài Gòn ngày 12-06 để gặp thủ tướng Hun Sen của Phnom Penh. Cũng cần nhắc lại là Hà Nội và Phnom Penh vẫn bị xem là chướng ngại cho giải pháp Kampuchea, vì không chấp nhận toàn bộ kế hoạch của Liên Hiệp Quốc trong đó có điều khoản giải thể giường máy hành chánh hiện tại của chính phủ Hun Sen.

Các nhà doanh thương Nhật Bản đã đến Việt Nam điều nghiên thị trường rất kỹ, nhưng chưa thực sự bỏ vốn đầu tư. Lệnh cấm vận của Mỹ là một trở ngại - cũng như thể chế chính trị của Việt Nam hiện nay. Mỹ vẫn đặt điều kiện tiên quyết giải quyết vấn đề Kampuchea trước khi bàn đến bãi bỏ cấm vận và bang giao với Việt Nam.

Ngưng chiến tại Kampuchea

Trên giấy tờ, cuộc chiến tranh Kampuchea kéo dài từ 12 năm qua đã đi vào giai đoạn kết thúc, với sự thỏa thuận của bốn phe lâm chiến về một cuộc ngưng bắn vô thời hạn. Sau ba ngày họp tại Pattaya, Thái Lan, kể từ 24-06-91, Hội Đồng Dân Tộc Tối Cao Kampuchea SNC đã lấy hai quyết định quan trọng: ngưng bắn và chấm dứt nhận viện trợ quân sự từ nước ngoài. Họ cũng thỏa thuận để đặt trụ sở của SNC tại Phnom Penh. Nếu điểm này được

TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC...

thực hiện, phe Khmer đỏ sẽ nghiêm nhiên vào thủ đô xứ Chùa Tháp như một thành viên của SNC, lần đầu tiên sau 12 năm bị quân Việt Nam lật đổ.

Trước đó, vào đầu tháng 6, hội nghị Jakarta đã thất bại khi phe Khmer đỏ bác bỏ một thỏa thuận giữa Sihanouk và Hun Sen: hai người sẽ tham gia trực tiếp vào SNC và đóng vai chủ tịch và phó chủ tịch. Nhưng sau đó tình hình đã sáng sủa lại với hội nghị Pattaya như đã nói trên đây. Giữa hai hội nghị, Hun Sen, thủ tướng chính phủ Phnom Penh đã gặp ngoại trưởng Nhật khi ông này thăm viếng Việt Nam. Nhân vật số hai nhưng có quyền lực nhất là Chủ tịch Quốc hội Chea Sim cũng đã qua Pháp trong một chuyến đi có ứnh cách riêng tư, và đã gặp các yếu nhân Pháp như ngoại trưởng Roland Dumas và Chủ tịch Quốc hội Laurent Fabius.

Sihanouk còn đề nghị SNC sẽ ngồi ghế của Kampuchea tại Liên Hiệp Quốc, đồng thời dùng quốc kỳ mới và quốc ca mới, tạm thời là một bản nhạc không lời.

Quần đảo Trường Sa

Quần đảo Trường Sa là nơi tranh chấp của sáu nước: Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, Mã Lai, Philippines và Brunei. Việt Nam hiện có quân đóng trên 25 hòn đảo, Philippines trên 8 hòn, Trung Quốc 7, Mã Lai 3 và Đài Loan 1. Tuy rất xa bờ biển miền nam Trung Quốc, nước này vẫn rêu rao toàn thể quần đảo này thuộc về mình. Năm 1988 đã có đụng độ giữa quân Trung Quốc và Việt Nam tại Trường Sa.

Khối ASEAN lo ngại các tranh chấp quần sự có thể gây bất ổn trong vùng nên Indonesia đã đề nghị sáu nước họp nhau tại Bandung vào tháng 7 này để giải quyết những tranh chấp trên. Tuy quần đảo Trường Sa gồm toàn những đảo nhỏ hoang vu, nhưng nó nằm gần những thủy lộ quan trọng nối liền Nhật và những nước khác trong vùng với nguồn dầu lửa Trung Đông. Ngoài ra, làm chủ những đảo này còn cho phép kiểm soát các khu vực đánh cá quan trọng, và nhất là những mỏ dầu lửa mà nhiều người tin là rất phong phú.

Các nước trong Hiệp Hội ASEAN lo ngại chính sách bành trướng của Trung Quốc đang tăng cường lực lượng quân sự trong vùng. Ngoài việc họ đem quân đánh chiếm một số đảo của Việt Nam trong quần đảo Trường Sa năm 1988, mọi người còn nhớ chuyện Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa năm 1974, lúc đó thuộc chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa.

Thái độ mới của Mỹ về hồi hương người tị nạn

Chính phủ Mỹ từ trước đến nay vẫn có thái độ dút khoát đối với vấn đề người tị nạn còn kẹt trong các trại vùng Đông Nam Á: không chấp nhận cưỡng bách hồi hương. Nhưng đầu tháng 6-91 vừa qua, Mỹ đã thay đổi lập trường: họ đồng ý tổ chức hồi hương những người không tự nguyện, với điều kiện là những người này phải được ở trong các trại do cơ quan quốc tế như Cao Ủy Tị Nạn LHQ quản lý. Đây là một đề nghị mới của Hoà Kỳ, Anh quốc và Hồng Kông. Chưa biết Hà Nội sẽ trả lời ra sao về đề nghị này. Nên chú ý rằng những trại do LHQ quản lý rong đề nghị này nằm trong đất liền của lãnh thổ Việt Nam, chứ không phải ngoài những hòn đảo như những đề nghị trước đây của một số tổ chức.

Từ đầu năm tới nay, số người chạy từ Việt Nam đến Hồng Kông lên đến gần 10.000 người, tăng vọt so với năm 1990. Riêng trong tháng 5-91 đã có 5.116 người đến được Hồng Kông. Tổng số người tị nạn bị nhốt trong các trại cấm ở Hồng Kông lên đến 58.000, trong đó chỉ có gần 7.000 được nhìn nhận tích cách tị nạn chính trị, và chờ đợi đi một nước thứ ba.

Giáo dục Việt Nam bi đát

Theo số liệu của Sở Giáo Dục Sài Gòn (Sài Gòn Giải Phóng các số ra ngày 21, 22 và 29-5-1991) thì số học sinh tham dự các kỳ thi như sau:

- Thi hết cấp I (tiểu học): 67.000 học sinh.
- Thi hết cấp II (lớp 9): 35.000 học sinh.
- Thi hết cấp III (lớp 12, tú tài): 19.000 học sinh.

Các con số này cho thấy từ tiểu học lên cấp II (Phổ Thông Cơ Sở), số học sinh giảm đi một nửa và sau ba năm từ cấp II đến hết cấp III để có thể vào đại học, số học sinh lại giảm đi gần một nửa nữa.

Tình trạng giáo dục tại Sài Gòn cũng tương tự như tình hình chung của cả nước. Theo thống kê của Bộ Giáo Dục (Tuổi Trẻ 4-6-1991) thì từ lớp 1 đến lớp 5, số học sinh chỉ còn lại 60%, sau đó đến cấp II (từ lớp 6 đến lớp 9) chỉ còn 30% trong lứa tuổi. Cấp III lại có thêm 16% học sinh trong lứa tuổi bỏ học.

Vấn theo Bộ Giáo Dục, chỉ có 85% trẻ em từ 6 đến 10 tuổi ghi tên vào lớp 1. Như vậy là 15% công dân tương lai của Việt Nam hoàn toàn không hề đến trường. Nếu dựa theo số liệu của Bộ Giáo Dục thì 40% bỏ học sau đó. Tài liệu của Bộ Giáo Dục không mô tả rõ con số 40% này, nhưng theo tinh thần của tài liệu thì người ta phải hiểu là 40% của lứa tuổi chứ không phải là 40% của số trẻ em đã ghi tên đi học. Như vậy là có tới 55% thiếu nhi Việt Nam không học hết bậc tiểu học.

Riêng thành phố Sài Gòn đã có 49.063 trẻ em từ 6 tới 14 tuổi được kiểm tra là không đi học.

Con số học sinh thi Tú Tài trên cả nước là 221.000, giảm 25.000 so với năm 1990. Miền Bắc có 141.000 thí sinh trong khi miền Nam chỉ có 80.000. Với số dân gần bằng nhau, số thí sinh của miền Nam chưa bằng 60% số thí sinh của miền Bắc.

Tình hình bi đát của nền giáo dục Việt Nam cần một số giải thích.

Trước hết là phong trào bỏ học trên toàn quốc. Các giáo chức Việt Nam đã giải thích là do đời sống khó khăn, học phí cao, dân chúng không có tiền cho con cái đi học. Đời sống bết tắc khiến cả phụ huynh lẫn học sinh đều không thấy đi học có lợi ích gì. Một yếu tố khác cũng đóng góp không ít cho hiện tượng bỏ học là các thầy cô vì quá nghèo khổ phải tổ chức những lớp học thêm tại nhà. Các em không có phương tiện hoặc thi giờ để học thêm mang mặc cảm và bị thua sút nên dễ bỏ học. Nhiều nhà giáo như bà Ngô Thị Minh Tâm đã lên tiếng báo động về tác hại của việc dạy thêm tại nhà này. Nhiều nhà giáo khác đồng ý việc dạy thêm có tác dụng xấu nhưng lại cho là một bắt buộc đối với giáo viên nếu muốn tiếp tục dạy học, họ đòi tăng lương giáo viên để khỏi phải dạy thêm.

Sau đó là tình trạng suy sụp quá đáng của nền giáo dục miền Nam so với miền Bắc. Mâu thuẫn là ở chỗ đời sống miền Nam tuy thấp nhưng vẫn còn cao gấp hai, ba lần miền Bắc, đáng lẽ giáo

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

đục miền Nam phải đỡ bi đát hơn mới đúng. Có hai lý do: một là tại miền Nam đời sống kinh tế nhọt nhíp hơn, cảm dỗ nhiều thanh thiếu niên, hai là do phong trào đi nước ngoài, nhiều em chuẩn bị ra đi nên không màng tới việc học nữa.

Phản động, bất mãn, quá khích

Báo Công An Sài Gòn, số ra ngày 22-5-1991, đưa tin về vụ bắt giữ đạo diễn Bernard Gesbert. Theo bài báo này, Bernard Gesbert bị cáo buộc là ở Pháp đã "có những hoạt động tiêu cực trong các tổ chức phản động của người Việt lưu vong như Nguyễn Gia Kiểng, Nguyễn Ngọc Giao...". Báo này viết tiếp là Bernard Gesbert đã đến Việt Nam "với ý đồ xấu" và đã quan hệ được với nhiều "nhân vật có tên tuổi" và "móc nối được với những phần tử có tư tưởng bất mãn, quá khích". Những phần tử bất mãn, quá khích được nêu đích danh là Dương Thu Hương, Trần Văn Thủy, Nguyễn Huy Thiệp, Tạ Đình Đề, Nguyễn Khắc Viện, Phan Khắc Từ.

Thông Luận không hề có quan hệ nào với Bernard Gesbert trước đây và chỉ tiếp xúc với Bernard Gesbert khi anh đã trở lại Pháp sau khi được trả tự do và bị trục xuất khỏi Việt Nam. Chắc khỏi cần phải tranh cãi thực giả với bộ máy công an chuyên môn bịa đặt, nhưng cũng cần nêu lên một sự nghịch lý quá hiển nhiên, nếu đã biết Bernard Gesbert có "những hoạt động tiêu cực trong các tổ chức phản động..." và về Việt Nam "với ý đồ xấu" thì công an chắc chắn đã không cho Bernard về. Nhiều người tuy không có "ý đồ xấu" nào cả mà chỉ bị ngờ vực là có "tư tưởng xấu" (xấu theo nghĩa của Đảng Cộng Sản Việt Nam, nghĩa là sáng suốt theo nghĩa thông thường) đã bị từ chối chiếu khán rồi.

Một thí dụ, ông Nguyễn Khôi Minh, một nhà kinh doanh đã ra vào Việt Nam nhiều lần, có cơ sở làm ăn tại Việt Nam, làm phó giám đốc Công ty SCITEC tại Sài Gòn, chỉ vì bị nghi ngờ là có "tư tưởng xấu" nên đã không được vào Việt Nam. Ông Minh được báo là đã có chiếu khán nhưng khi đến sứ quán Hà Nội tại Pháp, người ta không cấp cho ông, viện cớ là "không biết lẫn đâu điện tín từ bên nhà cho phép cấp chiếu khán cho ông" và vì thế không thể cấp chiếu khán cho ông được.

Bốn tháng sau, sứ quán vẫn chưa tìm lại được bức điện tín "không biết lẫn đâu" đó, mặc dầu ông Minh không hề có hoạt động chính trị nào và có rất nhiều việc phải làm tại Việt Nam.

Nàng Bạch Tuyết và ba công ty

Vì quá ít người đầu tư vào Việt Nam trong khi chính quyền cộng sản liên tục kêu gọi nên nhiều người có cảm tưởng rằng người đầu tư vào Việt Nam được tiếp đón ân cần, được dành mọi dễ dãi, được nâng đỡ, v.v... Nói tóm lại, báo chí và dư luận nước ngoài nghĩ rằng chính quyền cộng sản Việt Nam, dù khe khắt và giáo điều về chính trị nhưng rất cởi mở về mặt kinh tế.

Sự thực trái ngược hẳn. Việt Nam vẫn còn là một trong những nước rất ít ôi mà lập công ty phải xin phép để nhà nước tùy tiện cho hay không cho. Và nhà nước xét rất lâu, rất tỉ mỉ vào những vấn đề đáng lẽ chỉ thuộc thẩm quyền của người kinh doanh.

Tháng 6-1990, công ty Stitung của Đài Loan và xí nghiệp bóng Bạch Tuyết thỏa thuận hợp tác sản xuất băng vệ sinh. Stitung góp vốn 60% bằng máy móc và vật liệu. Trước khi ký kết hai bên đã

xin các cơ quan nhà nước cho ý kiến. Ngày 29-9-1990, bản hợp đồng có chữ ký của đôi bên được trình lên Ủy Ban Hợp Tác Đầu Tư để xin cấp giấy phép. Yên chí sẽ không có gì trục trặc, phía Đài Loan đã chuyển máy móc và đưa chuyên viên sang huấn luyện công nhân Việt Nam. Một lô hàng mẫu đã được tung ra thị trường. Nhưng giấy phép chưa tới. Cuối tháng 4-1991, Ủy Ban Hợp Tác Đầu Tư trả lại hồ sơ, đòi hai bên sửa lại nội dung hợp đồng, đặc biệt là xóa bỏ việc Stitung có quyền chuyển lợi nhuận bằng ngoại tệ về nước. Stitung rút lui và đề nghị Bạch Tuyết mua lại những thiết bị mang sang Việt Nam.

Cũng từng muốn làm ăn chung với Bạch Tuyết về việc sản xuất băng vệ sinh nhưng vì thủ tục kéo dài quá lâu nên công ty Astuce Machine của Đài Loan nảy ra sáng kiến đầu tư chui. Hãng này cử một nhân viên sang Việt Nam để thay mặt mình điều khiển mọi việc, nhưng lại gửi máy móc và nguyên vật liệu dưới dạng quà biếu cho một người Việt gốc Hoa tên Khuu Trí Hoa để ông này thành lập công ty tư doanh Kiến Thành. Công ty Astuce Machine cũng cử ba kỹ sư sang Việt Nam dưới dạng du khách để hướng dẫn sử dụng máy. Xong xuôi công việc, ông Khuu Trí Hoa trở mặt nói rằng công ty Kiến Thành là của riêng ông. Đại diện chui Dương Thụ Nhân chỉ còn biết đi kiện và nội vụ đổ bể. Công ty Kiến Thành hiện vẫn sản xuất băng vệ sinh Sakura.

Một công ty khác là Lion Track Ltd cũng muốn đầu tư để sản xuất băng vệ sinh nhãn hiệu Isaura và cũng vì muốn lách những phiền phức của Luật Đầu Tư mà phải nhờ trung gian, rồi bị lừa, tốn hết 1,5 tỷ đồng.

Băng vệ sinh của phụ nữ chắc chắn không phải là một mặt hàng có liên hệ tới an ninh quốc gia vậy mà thủ tục còn gian truân và trắc trở như vậy. Người ta có thể đoán được những khó khăn mà người muốn đầu tư gặp phải trong các hoạt động khác.

Tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, việc mở xí nghiệp là một quyền, chỉ cần khai báo thành lập là đủ. Không những thế các xí nghiệp mới thành lập còn được miễn thuế, đôi khi còn được giúp vốn.

Nhà nước cộng sản kinh doanh mãi đêm

Super Star, Volvo, Rex, Maxim's, Queen Bee, Caravelle, Liberty, Arc En Ciel, v.v... các vũ trường đang rộ lên tại Việt Nam và rất phát đạt khác hẳn với hoạt động kinh tế đang xuống dốc thế thảm.

Tất cả các khách sạn đều phải có vũ trường, nếu không sẽ lập tức mất khách. Vũ trường là mục không thể thiếu cho mọi khách sạn có tiêu chuẩn quốc tế, dù là khách sạn quốc doanh. Phần lớn các khách sạn lớn trong nước đều là quốc doanh và do Tổng Cục Du Lịch, thuộc Bộ Văn Hóa Thông Tin Du Lịch, chủ quản.

Để giữ khách và hoàn thành "nghĩa vụ thuế" cao tới 75% số thu nhập của vũ trường, theo lời các viên chức quản lý nói với ký giả Hoàng Linh và được thuật lại trên báo Tuổi Trẻ ngày 15-5-1991, phải "tổ chức sao cho khách đến không đành lòng bỏ đi, mà đến rồi phải quay trở lại", nghĩa là "vũ nữ phải đẹp và dễ chịu". Dễ chịu có nghĩa là khách muốn gì cũng phải chiều ý. Tất cả đều có giá và đều phải trả bằng đô-la Mỹ. Vào cửa tùy vũ trường, giá có thể từ 50.000 đồng (Super Star) tới 50 USD (450.000 đồng VN) mỗi người tại Volvo. Muốn "qua đêm" với một vũ nữ thì tùy cô, từ 50 USD đến 100 USD. Tại vũ trường Volvo, còn có luôn tám

TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC...

phòng rất tiện nghi với giá thuê mỗi giờ là 150 USD, khách không cần phải dắt vũ nữ đi đâu cả.

Đĩ nhiên khách lui tới các vũ trường này cũng rất đặc biệt. Theo các viên chức quản lý, họ gồm các giám đốc công ty, các viên chức hải quan, thương nghiệp và rất nhiều người ngoại quốc Hồng Kông, Đài Loan, Singapore và người Việt từ nước ngoài về du lịch. Theo một vũ nữ thì các anh "hải quan sân bay" cũng ăn xài sang không kém khách ngoại quốc. Người Pháp tỏ ra keo kiệt, Việt kiều khi được khi không.

Các giám đốc vũ trường không hề giấu giếm việc họ đang làm. Trong một buổi "làm việc" với báo Tuổi Trẻ họ nói như sau "Nhà nước giao cho chúng tôi một cục lửa, lửa càng nóng thì tiền vô càng nhiều, chẳng chóng thì chầy cũng lộ ra tai tiếng". Và tai tiếng đã bắt đầu lộ ra vì nhà nước làm ăn lem nhem và không đồng bộ. Cơ quan họ mâu thuẫn với cơ quan kia.

Báo Công An Thành Phố Sài Gòn ngày 12-6-1991 thuật lại rằng trong cuộc tảo thanh ngày 24-5-1991, đội công an chống mại dâm (phải hiểu là chống mại dâm tư doanh) đã bắt được tại khách sạn Mini bốn cô gái đang hành nghề mại dâm với bốn người ngoại quốc. Khi bị thẩm vấn (vấn theo báo Công An) họ khai đang là vũ nữ của vũ trường Super Star đang hành nghề bình thường. Họ cũng cho hay là vũ trường Super Star có 59 vũ nữ, tất cả đều bán dâm.

Báo Công An Thành Phố cũng tiết lộ một điều đáng lưu ý: hai vũ trường Super Star và Volvo là những chương trình "đầu tư" nằm trong chính sách. Volvo là kết quả hợp tác đầu tư của công ty Golden Ltd ở Singapore với Công ty Du lịch Thành Phố. Super Star do sự hợp tác giữa công ty Comtraco ở Singapore với Công ty Du lịch Tân Bình. Cũng vẫn theo báo Công An Thành Phố, người đại diện Comtraco tại Việt Nam là một Hoa kiều tên Alan Gan Eng Foo. Tên này rất lộng hành. Hắn muốn ngủ đêm với vũ nữ nào, cô đó lập tức phải phục tùng nếu không sẽ bị kỷ luật ngay, mặc dầu hắn chỉ trả có 200.000 đồng VN nghĩa là khoảng 25 USD mỗi đêm.

Các cơ quan nhà nước và bia ôm

Nhà dốt từ nóc. Khi cấp trên đã kiểm tiền bằng mại dâm qua các vũ trường sang thì các cơ quan cấp dưới cũng đua nhau kiểm tiền qua các quán bia ôm. Chỉ khác một điều là thay vì Super Star, Rex, Queen Bee, người ta gặp những tên quốc nội hơn như Thiên Hồng, Trà My, Lê Uyên... và dĩ nhiên giá cũng rẻ hơn. Không có kiểm tra nào về số lượng các quán bia ôm, cà phê ôm tại Sài Gòn nhưng con số ít nhất phải là vài ngàn. Riêng một phường 6 quận 3 đã có tới 115 quán.

Điều đặc sắc là các quán này nhiều khi hành nghề ngay tại các trụ sở cơ quan xí nghiệp. Nhiều cơ quan để "lãng thu nhập" đã có "sáng kiến cho thuê trụ sở" cho tư nhân mở quán bia ôm. Ủy Ban Nhân Dân phường 3, quận 10 đã dọn đi chỗ khác để trụ sở biến thành quán bia ôm Phương Mai. Trụ sở Lực Lượng Võ Trang phường 8, quận 10 nay thành "nhà hàng 475" chuyên về "massage". Trụ sở Ủy Ban Nhân Dân phường 2, quận 10 thành "khách sạn mini Hùng Vương". Trung Tâm Bữa Ăn Công Nghiệp từng được khen ngợi này cũng là một quán bia ôm. Liên Đoàn Lao Động Quận Một cho thuê trọn tầng trệt cho "quán Ti-Gôn", v.v... Nhiều câu lạc bộ hưu trí cũng thành quán bia ôm.

Các quán này đều giống nhau ở chỗ mặt trước hào nhoáng, bên trong đèn mờ, có khi tối thui, bên trong nữa là những màn vũ nữ hở hang và các cô chiêu đãi sẵn sàng làm tất cả những gì khách muốn.

Công an cho biết họ đã kiểm tra sơ sơ được 771 quán có bằng chứng là hành nghề mại dâm.

Các nghị sĩ, dân biểu Việt Nam Cộng Hòa gửi kiến nghị cho đảng cộng sản

26 cựu nghị sĩ, dân biểu Việt Nam Cộng Hòa đã gửi một bản tuyên bố đề ngày 17-6-1991 tới "Đảng Cộng Sản Việt Nam và Đại Hội VII, 1991".

Bản tuyên bố nhận định rằng trong khi chủ nghĩa cộng sản đã bị đào thải trên khắp thế giới thì đảng cộng sản Việt Nam lại bắt chấp mọi đòi hỏi đòi mới của toàn dân và ngay cả của những người cộng sản yêu nước yêu cầu.

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam từ bỏ độc quyền chính trị, tôn trọng các quyền tự do chính trị căn bản, trả tự do cho những người bị bắt vì lý do chính trị.

2. Đối thoại với mọi thành phần dân chúng để tiến tới tổng tuyển cử tự do.

3. Bầu một quốc hội lập hiến trong những điều kiện thực sự dân chủ và tự do.

Đây là lời kêu gọi đặc biệt gửi tới "những người cộng sản yêu nước trong Đại Hội Đảng kỳ VII 1991".

Con số 26 nghị sĩ, dân biểu theo ước tính tương đương với 50% số nghị sĩ, dân biểu còn tại chức vào ngày 30-4-1975 và hiện có mặt tại hải ngoại.

Nhiều nghị sĩ, dân biểu đã không ký vào lời kêu gọi này vì nhiều lý do. Một số không được mời, một số không liên lạc được và một số từ chối. Ông Mạc Giao, một cựu dân biểu nhưng không phải là dân biểu vào ngày 30-4-1975, đã trao cho Thông Luận lời kêu gọi này. Ông Mạc Giao cho hay là một số dân biểu như các ông Trần Văn Sơn, Trần Văn Thung thuộc Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam đã từ chối ký vào lời kêu gọi vì họ không chấp nhận gửi một kiến nghị nào tới đảng cộng sản Việt Nam cả, họ cho rằng như thế là tự đặt mình vào thế yếu.

Trong số những người ký tên, người ta thấy có các ông Trần Văn Lâm (cựu Chủ tịch Thượng Viện), Phạm Văn Út (cựu Chủ tịch Hạ Viện), Phạm Duy Tuệ, Nguyễn Duy Tài, Trần Văn Đôn, Nguyễn Minh Đăng... Tám trong số 26 dân biểu, nghị sĩ ký tên vào lời kêu gọi này đã từng bị giam cầm trong các trại cải tạo.

Biểu tình tuần hành tại Praha

Ngày 15-06-91, các báo Điểm Tin Báo Chí (Plzen), Diễn Đàn Praha, Thời Mới (Ostrava và Zlin) và tổ chức Trung Tâm Liên Kết Người Việt Nam tại Tiệp Khắc đã tổ chức một cuộc biểu tình tuần hành tại Praha, thủ đô Tiệp Khắc. Đoàn biểu tình trưng các biểu ngữ viết bằng ba thứ tiếng Việt, Tiệp, Anh: "Tự do báo chí", "Tự do cho Dương Thu Hương", "Tự do cho Nguyễn Chí Thiện", "Tôi yêu Việt Nam nhưng không yêu chủ nghĩa xã hội",...

Đoàn biểu tình dừng lại trước sứ quán Việt Nam và đọc bản kiến nghị gửi cho Đại Hội VII. Sau đó, một nhà văn nói về vụ bắt Dương Thu Hương và việc đàn áp văn nghệ sĩ trong nước.

Độc giả viết

Đề tặng Nguyệt San Thông Luận

通論如何換論通
但悲不見九州同
光陰倏忽時難再
世事回頭以一空

Thông Luận như hà hoán Luận Thông
Đản bi bất kiến cửu châu đồng
Quang âm thúc hốt thì nan tái
Thế sự hồi đầu dĩ nhất không

Câu 1 phỏng theo bài thi tứ tuyệt vua Tự Đức đặt ra để mừng một ông quan trong Hàn Lâm Viện đã gọi làm tên Lý Ông Trọng

(Đức Thánh Trèm) là Lý Trọng Ông, bị cách chức và phải dời ra Hà Nội lãnh chức thông phán:

Ông Trọng như hà hoán Trọng Ông
Chỉ nhân học vấn thiếu phu công
Tư nhân an đắc cư Lâm Hán
Nghị truat Nội Hà tác phán thông
(bài này cố ý dùng chữ nói lái)

Câu 2 trích trong bài thi "Thị Nhi" (Dận con) của Lục Du đời Tống đặt ra trước khi lâm chung:

Tử khủ nguyên tri vạn sự không
Đản bi bất kiến cửu châu đồng
Vương sư Bắc định Trung nguyên nhật
Gia tể vô vong cáo nãi ông

Có nghĩa Lục Du đau buồn vì lẽ trước khi từ già cõi đời không còn dịp nhìn thấy giang san đất nước thống nhất, và tiếc cho cơ nghiệp Tống triều chưa được khôi phục sau khi bị quân Nguyên soán đoạt.

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Bốn người đại diện được cử vào sứ quán để trao kiến nghị; sau những đối chất gay go, ông Phan Như Sâm, tham tán và giáo sư Lê Hoàng Việt, phụ trách lưu học sinh, hứa sẽ chuyển bản kiến nghị về Việt Nam, nhưng đã từ chối tuyên bố lời hứa đó trước đám đông.

Ngay tối hôm đó, đài truyền hình trung ương Tiệp đã tường thuật và phát đi các hình ảnh về cuộc biểu tình này. Các nhật báo lớn cũng đã đồng loạt đưa tin.

Tin ghi nhanh

Trục xuất: hai viên chức Mỹ bị mời đi

Vài tuần trước Đại Hội VII, đầu tháng 6-91, Hà Nội yêu cầu hai viên chức Mỹ rời khỏi Việt Nam, ngày trở lại sẽ cho biết sau. Hai ông Garnett Bell và Robert Destatte làm việc tại văn phòng tạm thời của Mỹ đặt tại Hà Nội để tìm kiếm người Mỹ mất tích (xem Thông Luận 38, tr.13). Hai người này nói thông thạo tiếng Việt, đã phục vụ tại miền Nam trước 1975. Riêng Bell còn là một trong những người Mỹ cuối cùng rời Việt Nam sáng ngày 30-04-75, sau bốn ngày tham gia vào chiến dịch di tản bằng trực thăng.

Ngoại giao: Canada mở văn phòng tại Hà Nội

Canada sẽ mở một văn phòng ngoại giao tại Hà Nội, với một trưởng phái đoàn tạm thời trực thuộc tòa Đại Sứ Canada tại Bangkok. Bà ngoại trưởng Barbara McDougall tuyên bố sự hiện diện của Canada tại Việt Nam sẽ khuyến khích tiến trình đổi mới tại Việt Nam và giúp Canada theo dõi sự tôn trọng nhân quyền và thực hiện chương trình viện trợ cho Việt Nam.

Tuổi Trẻ: tổng biên tập mất chức

Tổng biên tập Kim Hạnh báo Tuổi Trẻ bị mất chức sau khi báo này đăng bài tựa đề: "Lá thư của Nguyễn Ái Quốc gửi cho vợ". Trả lời phóng viên hãng thông tấn Reuter, bà Kim Hạnh không cho biết lý do bị mất chức, nhưng ai cũng biết Đảng Cộng Sản Việt Nam không khi nào chấp nhận cho ông Hồ Chí Minh có

quyền được làm một người bình thường.

Khí đốt: hợp doanh Việt-Pháp

Công ty ELF-Antargas đã hùn vốn với phía Việt Nam để sản xuất khí đốt butan. Công ty mới thành lập đầu tháng 6-91 có tên Saigon Gas Co, vốn khởi đầu 6,5 triệu USD, trong đó 71% của ELF-Antargas. Nhà máy xây cất tại vùng ngoại ô Sài Gòn dự trữ sản xuất 25.000 tấn butan mỗi năm, và bắt đầu sản xuất cuối năm nay.

Giải tư: Crédit Lyonnais làm cố vấn

Một chi nhánh Hồng Kông của Ngân hàng Pháp Crédit Lyonnais mới ký hợp đồng làm cố vấn thường trực cho Ủy ban đầu tư của Việt Nam. Giám đốc Jim Walker cho biết ông làm cố vấn trong vấn đề giải tư các công ty và xí nghiệp quốc doanh, và nghiên cứu để thiết lập một thị trường chứng khoán tại Việt Nam trong vòng năm năm tới. Ông cũng cho biết chính phủ Việt Nam muốn giải tư 100% một số xí nghiệp, nghĩa là bán đứt cho tư nhân, nhưng theo ông thì tốt nhất là trong giai đoạn đầu chỉ giải tư 45% giá trị của xí nghiệp để lấy tiền xây dựng lại xí nghiệp đó.

Lọc dầu: Nhật muốn đầu tư

Nippon Mining Co. và Sumitomo Corp. là hai hãng Nhật Bản đang nghiên cứu sự khả thi (feasibility) của một dự án thiết kế nhà máy lọc dầu trong vùng Sài Gòn. Phí tổn cho dự án này ước lượng 800 triệu USD. Nhật hiện là khách hàng chính mua dầu thô của Việt Nam. Hãng Mitsubishi mua phân nửa số lượng 75.000 thùng/ngày, sản xuất từ giếng dầu Bạch Hổ do công ty Vietsov-petro khai thác. □

Thông Luận số 40 phải tăng đột xuất 4 trang vì số lượng bài vở đã vượt quá mức dự trữ. Tuy vậy, chúng tôi vẫn phải gác lại một số bài. Xin thành thật cáo lỗi cùng các tác giả và sẽ cố gắng đăng trong những số tới.

Độc giả viết

Góp ý với Thông Luận 38

Câu 3 do Nguyễn Trãi đặt trong một bài thi (Úc Trai Thi Tập):

Ký Hữu
Bình sinh thế sự thân truân chiến
Vạn sự duy ưng phó lão thiên
Thốn thiết đản tồn không tự tín
Nhất hàn như cố diệc kham liên
Quang âm thúc hốt thì nan tái
Khách xá thể lương dạ tự niên
Thập tải độc thư bản áo cốt
Bàn vô mục túc tọa vô chiến

Câu 4 xuất xứ từ bài thi của Phan Chu Trinh, khi "lều chông" vào thí trường, đã không chịu cặm cụi vào đầu bóp trán viết bài cho đúng cách như các thí sinh khác, mà chỉ viết tám câu thi dưới đây, để lại tại chỗ thi cốt ý cho các quan giám khảo đọc, rồi bỏ ra về; lẽ dĩ nhiên là khoa thi ấy Phan Chu Trinh không đỗ đạt chỉ cả:

Thế sự hồi đầu dĩ nhất không
Giang san hòa lệ khắp anh hùng
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ
Bát cổ thi văn túy mộng trung
Trường thử bách niên cam thỏa mạ
Bất tri hà nhật xuất lao tung
Chư quân vị tất vô tâm huyết
Thình bả tư văn khán nhất thông

*

Kẻ viết bài này chấp ghép bốn câu thi Hán văn trên đây, do bốn tác gia vừa khác người vừa khác thời đại, hợp thành một bài thi tứ tuyệt trùng vần trùng điệu, với một mục đích đơn giản là để biểu đồng tình với báo Thông Luận về lập trường thẳng thắn, hợp tình hợp lý, nghị luận nhằm lúc nhằm chỗ, của bộ biên tập.

Câu 1 khen tặng nhà báo, cho rằng cơ quan THÔNG tin và nghị LUẬN này đã biết LUẬN bàn một cách rất THÔNG suốt.

Câu 2 so sánh báo Thông Luận, chẳng khác gì Tống Lục Du, rất buồn tiếc vì đất nước và dân tộc Việt Nam yêu dấu của chúng ta chưa được hưởng các chế độ dân chủ trong cảnh thanh bình, an lạc và phong phú, theo như sự mong muốn của toàn thể các thành viên và độc giả của tờ nguyệt san này.

Câu 3 mượn lời của Nguyễn Trãi để nhắc cho mọi người đừng quên câu "Thì giờ thấm thoát thoi đưa, nó đi đi mất có chờ chờ ai". Một khi cơ hội ngàn thu một thuở có thể gặp được, như giữa lúc "thiên thời địa lợi nhân hòa" hiện tại, thì những người đã nhận lĩnh nhiệm vụ quan trọng mưu đồ đại cuộc cho tổ quốc, phải vội vàng bắt lấy để hành động cho kịp thì; nếu bỏ lỡ dịp may hiếm có và khó gặp ấy, thì chớ hòng còn có dịp may khác.

Theo nghĩa câu 4, mọi sự việc trong đời, nếu ta bình tâm suy xét cho cạn (quay đầu), thì tựu trung cũng chỉ là những hư không tất cả. Tuy biết như thế, nhưng những ai đã có ý định đảm nhận lo toan việc to tát của nước nhà, "đốn thì phải vác".

Mong quý vị có tâm huyết và khả năng, trẻ trung và khỏe mạnh, nên cố gắng hăng hái, tiếp tục hành động, hết lòng hết sức, cho đến khi thành công cuối cùng, nếu có thể thành công.

Đặng Ngọc Nhạ (Cannes, Pháp)

T.B. Báo Thông Luận (số 38) đăng bài thi tập cổ của tôi trên đây rồi đã in lầm hai chữ: "hoán" (câu 1) và "tái" (câu 3). Nay xin đính chính bổ khuyết chỗ sơ sót vô tình đó, cho được danh chính ngôn thuận. (Đ.N.N.)

I. Trong bài "Sức đổi mới của những chế độ cộng sản: bài học Đông Đức".

Thông Luận đưa ra một quan điểm rất quan trọng, cho là "chế độ cộng sản tự nó không đủ sức đổi mới để tự chuyển hóa thành chế độ tự do dân chủ". Thông Luận đã đưa ra những phân tích rất sâu sắc và đáng cho đảng cộng sản Việt Nam suy gẫm nhất là đọc những đoạn cuối của bài này. Nhưng trong tựa đề và những đoạn đầu, bài này lại nói đến những khó khăn của một nước Đức đã thống nhất. Cách lựa chọn và sắp xếp ý tưởng như bài này không những đã che lấp những quan điểm Thông Luận muốn nêu lên mà còn đưa đến những bất ổn về tư tưởng và đưa Thông Luận vào bế tắc với một người đọc như tôi.

Bế tắc thứ nhất, hiện đã có những người dân Đông Đức hối hận về sự thống nhất đất nước và nuối tiếc XHCN đang nghiêng trở về đảng cộng sản (Newsweek những số gần đây). Đã có những người dân Xô Viết nghi ngờ và muốn dẹp bỏ perestroika. Đó là những bài học thật lùi Đảng Cộng Sản Việt Nam có thể tuyên truyền chống lại những đòi hỏi tiến bộ như thế. Thông Luận đòi hỏi XHCN biến thành dân chủ tự do nhưng đưa ra một thí dụ tự do vấp ngã như thế (dù nhất thời), và không giải thích thỏa đáng làm người đọc rơi vào nghi vấn như tôi.

Bế tắc thứ hai, thử làm người dân trong nước được đọc Thông Luận, được biết Tây Đức sẵn có nhiều tiền như thế, kỹ thuật cao như thế mà không đem lại tiến bộ cho Đông Đức như Tây Đức đã hứa hẹn. Với Việt Nam, không có một Tây Đức cho Việt Nam dựa vào thì làm sao các quý vị bên ngoài giúp được chúng tôi bên trong? Nếu quý vị được một phép màu, có người cho không nguồn tài nguyên lẫn nhân sự cần thiết đó đi nữa, làm sao chúng tôi tin việc quý vị sẽ làm cho đất nước tốt đẹp hơn những gì đang xảy ra cho Đông Đức ngày hôm nay?

Bế tắc thứ ba, khi hỏi "...chế độ cộng sản Đông Đức tự nó có đủ sức đổi mới hay không?" Nếu hỏi trước ngày thống nhất thì nghe được, nhưng đặt câu hỏi này sau khi Đức đã thống nhất thì thật hơi... lạc đề, chưa kể hành vi đá bồi vào một con ngựa đã chết như thế Thông Luận không nên làm. Nếu Thông Luận hỏi thẳng câu này với chế độ cộng sản Việt Nam và đem nó làm đề tài chính cho bài này thì thích ứng hơn. Thông Luận có thể dùng khó khăn ở Đông Đức hiện nay làm bằng chứng cho tầm mức to lớn của công việc xây dựng Việt Nam sau này.

Thông Luận có thể dùng bài học Đông Đức để cảnh cáo Đảng Cộng Sản Việt Nam là tự họ sẽ không làm nổi việc tự do dân chủ hóa đất nước, vì nếu có thể thì đàn anh Đông Đức đã làm lấy một mình rồi.

Thông Luận có thể dùng bài học Tây Đức để dè dặt những người Việt Nam hải ngoại đừng quá hơn hờ mà đánh giá nhẹ tầm mức khó khăn trong việc xây dựng đất nước sau này.

Sau cùng Thông Luận có thể dùng bài học nước Đức và cả khối Đông Âu nói chung là để cho người Việt Nam trong và ngoài nước hiểu rằng con đường chuyển tiếp từ XHCN sang tự do dân chủ thực sự sẽ đầy khó khăn chông gai và sẽ đòi hỏi nhiều kiên nhẫn và hy sinh. Vì sao vậy? So với Tây Đức, Việt Nam hải ngoại gần như không có sức mạnh, không đoàn kết, kinh nghiệm dân chủ thực sự của thế hệ này cũng chỉ mới học được nhờ sống ở hải ngoại mà thôi. Kinh nghiệm dân chủ miền Nam trước đó chẳng

Độc giả viết

có gì để khoe khoang với ai cả. So với Đông Đức, quốc nội hiện tại còn tệ hại hơn Đông Đức trước kia biết bao lần. Khẳng định đúng tầm mức khó khăn của vấn đề, người đấu tranh không nản chí khi gặp thực tại phủ phàng, để người dân dễ đặt kiên nhẫn không mong đợi một màu nhiệm nhanh chóng nào cả.

Đã có những người cộng sản Việt Nam thức tỉnh, nhưng dường như họ đều đánh giá quá cao tiềm năng của người Việt hải ngoại, cũng như những người Đông Đức đã đặt hy vọng quá nhiều vào người Tây Đức của họ. Tưởng như thế, người Việt hải ngoại lại đánh giá quá cao khả năng của chính mình, cũng như Helmut Kohl đã vì kiêu ngạo hoặc liều lĩnh hứa hẹn mang lại thuốc tiên cho dân Đông Đức nên gặp khó. Rất nhiều chúng ta đang bước vào cùng một lối đi này.

II. Trong bài "Đề đóng góp cho thắng lợi của dân chủ".

Nguyễn Gia Kiểng viết "...miền Nam đã thua vì còn sáng suốt trong khi miền Bắc đã thắng vì đã say đờn". Phải chăng tác giả muốn nói miền Nam đã thua nhưng còn sáng suốt trong khi miền Bắc tuy thắng nhưng lại say đờn? Nếu không phải thế thì điều tác giả viết thật không ổn. Miền Nam sáng suốt chỗ nào trong cuộc chiến huynh đệ chủ nghĩa vừa qua? Miền Bắc chiến thắng về vang như thế sao gọi là say đờn được chứ?

Ý nghĩa của "quả đắng cuối cùng" được đề cao như một hành vi can đảm của kẻ thua, nhưng căn bản lý luận lại quá yếu ớt. Nghe như một lời biện minh không cần thiết cho kẻ ngã ngựa. Nó không đem lại an ủi mà còn làm kẻ ngã đau hơn vì nếu đã can đảm chịu đắng thì cũng bằng lòng nhận thua không trách ai nữa hết.

Tác giả đặt vấn đề thắng thua như thế sẽ làm chia rẽ thêm một dân tộc đã quá chia rẽ, là bồi thêm những cú đâm mới vào vết thương cũ vẫn chưa lành. Kẻ thua thực sự là đại khối dân tộc vẫn đang ngao ngán không muốn nghe những tranh chấp ai thắng ai thua thêm một lần nữa. Tác giả trong giây phút cao hứng quên mất mục tiêu hòa giải của mình chăng?

Phạm Phan Long (California, Mỹ)

Tránh đặt vấn đề "Ai thắng ai"

[...] Trong Thông Luận số 38 tháng 5-91 ở trang 3, anh Nguyễn Gia Kiểng có viết "...Nhưng có ai ý thức được rằng miền Bắc còn bạc nhược hơn nhiều? Họ đã ngoan ngoãn để cho một nhóm người đốt nát và hủ lậu dẫn vào lò sát sinh..."

Ở đây tôi thấy rằng trong lúc này chúng ta nên tránh đặt vấn đề "Ai thắng ai". Chúng ta đang nỗ lực "hòa giải hòa hợp" thì gọi ra chưa hẳn có lợi, hơn nữa tất cả những người cộng sản và người quốc gia đều thua nếu tính ở một thời điểm, một khoảng thời gian, song hãy để đó cho sử gia phán xét. [...] Tôi không đồng ý với anh Kiểng nói "người miền Bắc còn bạc nhược", anh Kiểng nhìn như thế là đã làm giảm nhẹ cái tội của tập đoàn lãnh đạo Hà Nội, anh Kiểng đã đánh giá sai về phẩm chất của những người miền Bắc. Dù là người Bắc hay Nam, họ đấu tranh cho mục đích dân tộc, bất vụ lợi, như những người lính vô danh đã nằm xuống nơi chiến trường, tôi thấy mình phải khâm phục những con người đó. Anh Kiểng cũng có nói "Họ đã ngoan ngoãn...", nếu nói thẳng ra anh đã ám chỉ đây là bọn đàn độn và ngu dốt, anh Kiểng nhìn như thế thì chủ quan quá, tôi tin rằng anh có đủ tầm mắt để nhìn rõ vấn đề này, còn muốn động viên thì chúng ta có nhiều cách. Hơn nữa tôi tin rằng độc giả Thông Luận không phải là loại độc

giả đọc để chơi, để tìm ra năm ba câu chuyện vui... Đọc Thông Luận để mình nghĩ và phải có con mắt nhìn xa. [...]

Trần Tuấn Đạt (Melle, Đức, tị nạn từ Đông Âu)

Đa nguyên và duy nhất

Nhờ ra thì tôi phải gửi thư từ lâu rồi để cảm ơn quý vị đã gửi báo nhưng cứ chần chừ để cho 20 số báo "ngấm" vào người đã. Từ ngày sang Đức tị nạn (từ tháng 11-89), tôi chưa được đọc một tờ báo nào hấp dẫn như Thông Luận. Có lẽ cái tư tưởng "đan chủ đa nguyên" và "hòa giải, hòa hợp" làm cho con người dễ gần gũi nhau hơn.

Hôm nay tôi lại nhận được Thông Luận số 39. Thoảng đọc phần mục lục thấy vắng hai tên tác giả Thụy Khuê và Đặng Tiến lòng cũng hơi thấy "hiu hiu", nhưng số 39 vẫn hấp dẫn tôi đến lạ lùng. Bài viết của tác giả Nguyễn Hữu Chung đã giúp tôi giải tỏa được nhiều khúc mắc.

Nhớ lại trong một bài của mình, Thông Luận đưa ra chủ trương "không có vấn đề nào cấm bàn đến, không có ý kiến nào cấm nêu ra". Tôi đọc kỹ càng 20 số báo và thấy rằng hình như Thông Luận chỉ bàn tới một chiều, những vấn đề trái ngược không thấy xuất hiện trên mặt báo. Tôi tự đặt ra một giả thuyết: có thể do bạn đọc và những người khác không viết bài có chủ trương ngược lại hoặc có thể những bài đó đã bị "cấm" không được xuất hiện trên báo.

Tuần trước tôi được một người bạn cho đọc một tờ tuyên truyền cho đường lối dân chủ đa nguyên, trong đó thấy có một câu đại để là: "dân chủ đa nguyên là giải pháp duy nhất...". Tôi thấy câu chữ ở đây nó mâu thuẫn với nhau quá. Tôi không có ý định tranh luận về câu chữ vì trình độ học vấn của mình có hạn nhưng xin mạn phép trình bày vài ba dòng. Theo tôi hiểu nôm na, đa nguyên có nghĩa là không phải nhất nguyên và đã là đa nguyên thì không thể có DUY NHẤT. Vì vậy khi nói ĐA NGUYÊN là DUY NHẤT như vậy không biết có phải là chớng lại đa nguyên hay không?

[...] Nhân đây tôi cũng khẳng định sự ủng hộ của mình với Thông Luận. Mong rằng Thông Luận mãi mãi là tờ báo "chính luận".

Nguyễn Đức (Trostau, Đức, tị nạn từ Đông Âu)

Bạn đã đặt ra hai giả thuyết chứ không phải một: giả thuyết 1 đúng, giả thuyết 2 sai. Thật ra Thông Luận có đăng bài có ý kiến ngược lại với lập trường của nhóm chủ trương, nhưng số lượng rất ít, chỉ vì tòa soạn không nhận được bài (giả thuyết 1) chứ không phải vì có "kiểm duyệt" (giả thuyết 2). Còn câu chuyện "đa nguyên" và "duy nhất" mà bạn nêu ra, tuy không phải trên báo Thông Luận, nhưng cũng xin góp ý với bạn. Nếu vẫn tiếp tục thể chế độc tài nhất nguyên (như đảng cộng sản Việt Nam vẫn chủ trương hiện nay) thì những người đòi đa nguyên không thể tồn tại được, ngược lại nếu thể chế dân chủ đa nguyên được đem áp dụng thì mọi người - với những chính kiến khác nhau - đều có đất sống, và sống chung hòa bình với nhau. Cái DUY NHẤT ở đây không áp dụng cho tư tưởng đa nguyên, mà áp dụng cho thể chế dân chủ đa nguyên, thể chế "DUY NHẤT ĐÁP ỨNG ĐƯỢC" nguyện vọng của đại đa số. Nó nói lên niềm tin mãnh liệt của những người bênh vực cho lập trường đó. Nếu qua bầu cử tự do, một thể chế khác được nhân dân chọn lựa, những người đòi hỏi dân chủ đa nguyên sẽ phải chấp nhận - theo tinh thần đa nguyên - nhưng không ai có thể cấm họ tiếp tục tranh đấu - trong thể đối lập - cho những gì họ vẫn tin là tốt nhất cho đất nước.

Sở Tay

Bói Kiều

"Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúy Kiều, xin cho con vài ba đồng...". Vì người VN có óc mê tín, vì người VN thích đoán mò, cho nên người VN khoái... bói. Đã hẳn. Nhưng tại sao lại bói Kiều?

Vì truyện Kiều hay? Vì truyện Kiều có nhiều tình tiết éo le? Chưa chắc. Thiếu gì tác phẩm hay: Chinh Phụ Ngâm, Cung oán, chả hay là gì. Tam Quốc Chí tình tiết éo le, làm ly, bi đát gấp trăm lần truyện Kiều. Đọc tới đoạn Quan Công hiển thánh, Đặng Thái Mai tiên sinh - lúc đó còn là cậu thư sinh thường lên vào tủ sách của ông nội lục lợi sách vở - đã khóc sùi sụt đến mấy tháng. Còn kể sời nổi bông bột thì khóc rống lên đến mấy tháng. Chứ đọc tới chỗ Từ Hải chết đứng, có mấy ai động lòng trắc ẩn, chỉ thấy tức anh ách, giận Kiều vừa ngu vừa tham.

Ngoài Không Minh, Tam Quốc còn có các bậc đại nhân Mao Tôn Cương, Kim Thánh Thán cũng làm quân sư, nếu bạn cần đào sâu, tán rộng cái hoàn cảnh mà thánh ban cho bạn: không những bạn được nhờ bói mà cả nhờ bàn.

Thế mà người Việt mình không "lạy thánh Quan Công, lạy ông Gia Cát, lạy bác Trương Phi" mà lại cứ đi "lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúy Kiều", vì sao?

Theo nhà nghiên cứu ngữ học Phan Ngọc, thì vì truyện Kiều là quyển bách khoa toàn thư của một ngàn tâm trạng. Nói khác đi, truyện Kiều chuyên chú đến phần nội tâm của nhân vật. Trong khi Tam Quốc Chí chỉ mới kể chuyện, tức là chỉ nói đến phần "ngoại cảnh".

Nói như thế vẫn chưa hết nhẽ.

Bảo rằng những kẻ chỉ quan tâm đến phần "ngoại cảnh" là không... thâm thúy, cũng giống như bảo: ...người đàn bà thích quần áo đẹp, thích son phấn, nữ trang... nên họ hơi hợt, bề ngoài. Chưa chắc đâu. Khi chọn người yêu, người đàn bà lại ít quan tâm đến "ngoại cảnh", phần nhiều họ chuyên chú đến "nội dung" của đối tượng.

Đàn ông, ngược lại, được tiếng là không thích xa hoa, phù phiếm, có vẻ trầm tư, sâu lắng... nhưng khi chọn người yêu, người vợ, người tình, dường như có vẻ họ lại chú ý đến "ngoại cảnh" nhiều hơn "nội giới" của đối tượng.

Qua các món ăn, cũng thế: So với thừa loài người còn ăn tươi nuốt sống - chúng ta có thói quen gọi hời đó là thời kỳ dã man hay bán khai - ngày nay người ta văn minh hơn, ăn uống các thứ đều nấu chín cả. Có khi còn mổ moi, nhồi nhét, rút xương, rút thịt..., hầm, hấp, om, rang, ninh rừ cho mịn màng nhuần nhuyễn, ngày nay người ta ăn uống kỹ càng và có nghệ thuật hơn ngày trước và những việc giết nhau thì người ta cũng tinh vi hơn ngày trước: ví dụ mình chả biết có bao nhiêu lính của Saddam Hussein chết và chết như thế nào trong một trận chiến văn minh và nhân đạo?

Còn các văn nghệ sĩ, các nhà tư tưởng ngày nay họ viết gì? Ai cũng xông xáo vào việc mổ xẻ "nội tâm" con người. Họ chê "ngoại cảnh" cả, nhưng mình có chắc ngày nay các vị cầm cán cân tinh thần của nhân loại biết rõ nội bộ của con người hơn Socrate, Khổng Tử hay không?

Vậy thì: Tam Quốc không đi vào nội tâm của nhân vật, không có nghĩa là Tam Quốc "yếu" hơn Kiều.

Thế thì tại sao người ta bói Kiều?

Người ta bói Kiều vì Kiều có một cái gì đó, mà không riêng gì người mình mà tất cả người ta, đều thiếu hoặc không có.

Ví dụ: Kiều thích "xét mình".

Kiều hay "Giặt mình, mình lại thương mình xót xa".

Kiều chỉ "Nổi riêng riêng chạnh tác riêng một mình".

Mỗi lần gặp họa nạn, Kiều lại "xét mình" và có trách chằng nữa, thì Kiều trách "trời xanh", trách thân "Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân", trách phận "Phận sao phận bạc như vôi". Trách trời, trách đất, trách thân, trách phận... trách ai thì trách, cuối cùng cũng là trách mình "Kiếp xưa đã vụng đường tu". Tóm lại, Kiều không trách "người khác". Kiều nhận trách nhiệm của mình.

Nguyễn Du hay Kiều, khác người đời ở chỗ đó. Trong đời sống dân tộc Việt Nam hiện nay, chúng ta ít có dịp gặp những người như thế. Chúng ta tuyền gặp những kẻ văn minh, minh mẫn, sáng suốt, sẵn sàng nhìn và vạch rõ tội lỗi của kẻ khác.

Sáng suốt mãi cũng chán... lâu lâu họ lại cần phải... Bói Kiều.

Thụy Khuê

1-7-1991

Toàn tập các bài tham luận Hội Luận Dân Chủ Đa Nguyên, Paris 27-10-90

Sách khổ 13 x 20 cm, 411 trang, bìa 2 màu, có phần phụ lục hình ảnh ngày hội luận.

Giá ủng hộ: 150 F (kể cả cước phí bưu điện).

Quý vị muốn mua xin liên lạc với tòa soạn. Chi phiếu xin đề "VietNam Fraternité".

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 130 FF hoặc tương đương
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương
(nếu được, xin dùng personal check)

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET NAM FRATERNITE (xin dùng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó